

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

LUÔN ĐI CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BẠN

The logo for EAREFICO, featuring a stylized red graphic element on the left that resembles a step or a corner, followed by the word "EAREFICO" in a bold, red, sans-serif font.





**EAREFICO**

**LUÔN ĐI CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BẠN**



# Mục lục

THÔNG ĐIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

I

THÔNG TIN CHUNG

06

II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

25

III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

39

IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

46

V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

49

VI

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

60

VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

70

## THÔNGIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và Nhà đầu tư,**

Năm 2014 đã khép lại, đánh dấu chặng đường gần 40 năm hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh. Trong suốt hành trình này, Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo cùng tập thể hơn 600 con người chúng tôi luôn nỗ lực không ngừng nhằm mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông, khách hàng, đối tác và hết mình vì trách nhiệm đối với cộng đồng, môi trường và xã hội.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 khả quan và dẫn đi vào ổn định hơn so với các năm trước. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thể hiện đà tăng trưởng được duy trì vững chắc, sự phục hồi ngày càng rõ nét và đồng đều. Bên cạnh đó, thị trường tài chính cũng cho thấy sự chuyển biến tích cực. Hưởng lợi từ môi trường vĩ mô thuận lợi, thêm vào đó là sự quan tâm của Chính phủ, các cơ quan bộ ngành, cùng các nhóm giải pháp xử lý tồn kho, nợ xấu của nền kinh tế, một số ngành mũi nhọn kinh tế như bất động sản, thủy sản đã có sự hồi phục ấn tượng.

Về lĩnh vực bất động sản, xây dựng, so với những năm trong giai đoạn suy thoái nặng nề, nay đã có nhiều tín hiệu tích cực rõ nét. Giá trị xây dựng cả năm 2014 và giá trị tăng thêm ước tăng lần lượt là 7,6% và 7% so với năm 2013. Bất động sản và xây dựng là 02 lĩnh vực thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư FDI trong năm.

Về lĩnh vực thủy sản, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn về thời tiết, dịch bệnh, các rào cản thị trường và những biến động trên biển Đông, ngành thủy sản vẫn giành được thắng lợi lớn với tổng sản lượng thủy sản đạt 6,3 triệu tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị xuất khẩu đạt 7,920 tỷ USD, tăng 18% so với năm ngoái, vượt 11,6% so với kế hoạch.

Trước bối cảnh nhiều thuận lợi đó, với bề dày kinh nghiệm, sự hợp tác, hỗ trợ quan trọng của Taisei Oncho, và sự nỗ lực đáng khích lệ của tập thể ban quản lý, điều hành cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên, đến hết năm 2014, doanh thu toàn hệ thống đạt 837,3 tỷ đồng, tăng 47,8% so với cùng kỳ, đạt gần 92% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra; lợi nhuận sau thuế đạt 64,8 tỷ đồng, tăng 67,93% so với năm 2013.

Song song với việc tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính, kết quả đạt được như trên ghi nhận sự đóng góp đáng kể từ hoạt động đầu tư vào công ty xây lắp Thừa Thiên Huế và thành quả không nhỏ từ những bước đầu thâm nhập thị trường Ấn Độ.

Công ty, với quyết tâm "Luôn đi cùng sự phát triển của bạn", hiểu rằng vẫn còn đó những khó khăn, trở ngại, nhưng cũng luôn tin tưởng sẽ có nhiều cơ hội để khẳng định uy tín, thương hiệu của Công ty trên thị trường lạnh công nghiệp, M&E cũng như từng bước tạo dựng được chỗ đứng trong lĩnh vực xây dựng. Chúng tôi hy vọng Quý cổ đông, các đối tác chiến lược và đặc biệt, đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty sẽ luôn sát cánh, tin tưởng vào năng lực của Công ty để cùng tiếp bước chặng đường phía trước.

Trân trọng,

TM Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Nguyễn Hữu Thịnh

## I. THÔNG TIN CHUNG


1. Tổng quan về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển & Các mục tiêu chủ yếu
6. Các yếu tố rủi ro



## 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH
Tên viết tắt:	SEAREFICO
Logo:	
GCNĐKKD:	0301825452
Vốn điều lệ:	243.749.160.000 đồng
Địa chỉ:	72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	+84 8 3822 7260
Số fax:	+84 8 3822 6001
Website:	www.searefico.com
Mã cổ phiếu:	SRF
Sàn niêm yết:	HOSE
Ngày giao dịch đầu tiên:	21/10/2009
Số lượng cổ phiếu niêm yết	24.374.916 cổ phiếu

## 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 
- 2014** Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1 tăng Vốn điều lệ lên 243,7 tỷ đồng.
  - 2013** Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 tăng Vốn điều lệ lên 162,5 tỷ đồng. Thành lập Khối Xây dựng trực thuộc Công ty
  - 2012** Thành lập Chi nhánh Cơ điện Công trình SEAREFICO M&E
  - 2010** Thành lập Công ty con ARICO với 100% vốn đầu tư của SEAREFICO.
  - 2009** Ngày 21/10/2009, niêm yết và giao dịch 8.020.066 cổ phiếu SRF tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE).
  - 2005** Tái cấu trúc công ty với 4 đơn vị kinh doanh chính: Khối M&E, Khối Lạnh Công nghiệp, Nhà máy Panel và Searee Đà Nẵng.
  - 1999** Công ty Kỹ Nghệ Lạnh được cổ phần hóa với vốn điều lệ 12 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh, tên giao dịch là SEAREFICO.
  - 1996** Tháng 11/1996 Bộ thủy sản quyết định sáp nhập Xí nghiệp Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng (SEAREE) vào Công ty Kỹ Nghệ Lạnh (SEAREFICO).
  - 1993** Ngày 01/04/1993, Công ty Kỹ Nghệ Lạnh được thành lập lại theo Quyết định số 95/TS/QĐTC là DN nhà nước loại 1 trực thuộc Tổng Công ty XNK Thủy sản Việt Nam (Seaprodex Vietnam).
  - 1988** Ngày 30/8/1988 Xí nghiệp Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng được thành lập là đơn vị thành viên của Công ty XNK Thủy sản Miền Trung, hoạt động trong lĩnh vực lạnh công nghiệp và cơ điện công trình.
  - 1977** Công ty Kỹ Nghệ Lạnh tiền thân là Xưởng cơ khí Phú Lâm được thành lập ngày 18/11/1977 theo quyết định số 1501/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyên sản xuất nước đá, thiết bị và dụng cụ chế biến.





## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

**Tầm nhìn:** Trở thành một tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.

**Sứ mệnh:** Không ngừng hoàn thiện để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ ngày càng tốt hơn.

### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

#### Ngành nghề kinh doanh chính

Lắp đặt hệ thống xây dựng: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, âm thanh;

Lắp đặt hệ thống điện;

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, xây dựng hệ thống cấp thoát nước;

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội ngoại thất công trình.

#### Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng khắp cả nước, sản phẩm lạnh công nghiệp đã được xuất ra thị trường nước ngoài như Ấn Độ, Indonesia...

### 4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### Mô hình quản trị

Trách nhiệm quản trị của Nhóm công ty được thực hiện bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty mẹ và Hội đồng thành viên (HĐTV) công ty con. Ban Tổng giám đốc công ty mẹ và Ban Giám đốc công ty con là bộ máy thực thi các Nghị quyết và quyết định của HĐQT, HĐTV.

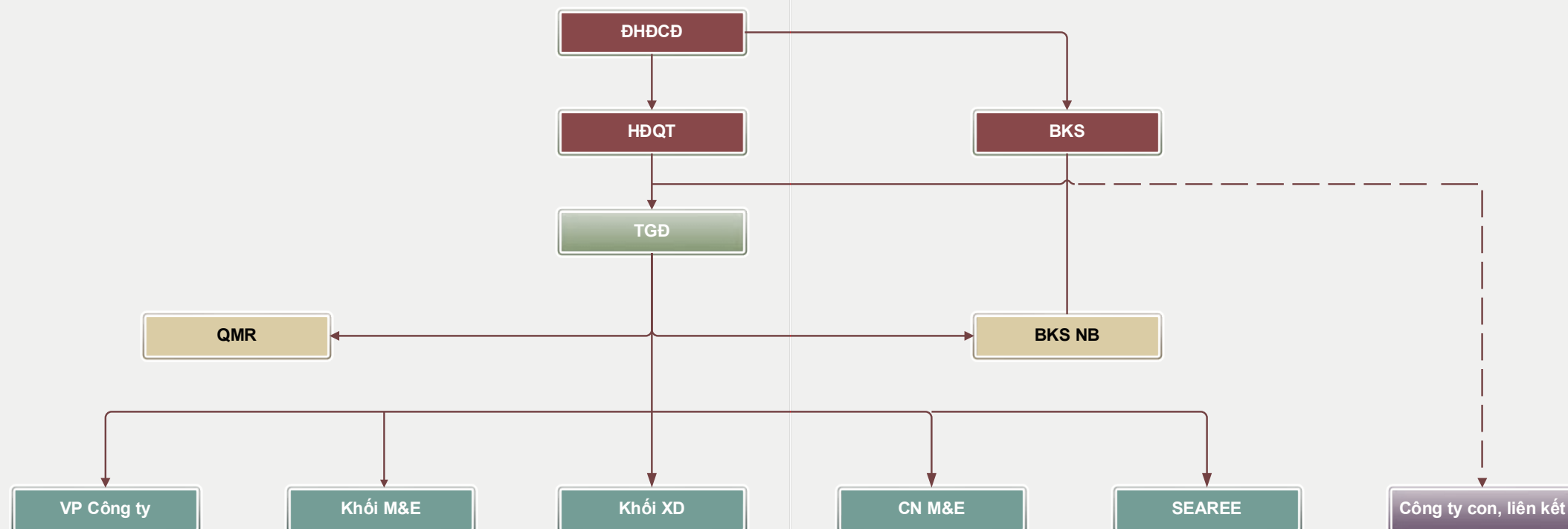
Hội đồng quản trị: HĐQT đương nhiệm có Chủ tịch và 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Tổng giám đốc trực tiếp tham gia điều hành và 03 thành viên không điều hành (01 thành viên là người nước ngoài).

#### Ban điều hành

Ban điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh thị trường, Giám đốc Khối và Giám đốc các đơn vị thành viên. Ban điều hành có nhiệm vụ triển khai, thực thi các Nghị quyết của HĐQT và chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT.

#### Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Ủy ban Chứng khoán.



Cơ cấu

bộ máy quản lý



## CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Chi nhánh Cơ Điện Công Trình (SEAREFICO M&E)

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Centec, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: +84 8 3822 7260

Fax: +84 8 3822 6001

Email: info@searefico.com

Website: www.searefico.com

Ngành nghề kinh doanh chính: Thi công, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống báo cháy, chống cháy và chữa cháy, thang máy, hệ thống cấp thoát nước; thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài nước.



### Chi nhánh tại Đà Nẵng (SEAREE)

Địa chỉ: Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.

Điện thoại: +84 511 373 6251

Fax: +84 511 373 6253

Email: info@searefico.com

Website: www.searee.com

Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, thang máy, cấp thoát nước; thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài nước.



### Tên công ty con : Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO)

Địa chỉ : 25 – 27 Đường Trung Tâm, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84 8) 3754 5678 Fax (+84.8) 3754 5679

Email : hcm@arico.com.vn

Website : www.arico.com.vn

Vốn điều lệ : 70.000.000.000 đồng

Giá trị Công ty đầu tư : 70.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn : 100%

Ngành nghề kinh doanh chính : Lắp đặt các công trình lạnh công nghiệp, sản xuất, xuất khẩu gia công chế tạo máy móc thiết bị và phụ kiện ngành cơ điện lạnh; tư vấn, thiết kế, cung cấp và lắp đặt thiết bị thi công, bảo trì sửa chữa các hệ thống, thiết bị cơ – nhiệt – điện lạnh công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước



### Tên công ty liên kết : Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (HCC)

Địa chỉ : Lô 9 Phạm Văn Đồng, Tp. Huế

Điện thoại : +84 54 382 1510 Fax +84 54 382 5152

Email : info@xaylaphue.com.vn

Website : www.xaylaphue.com.vn

Vốn điều lệ : 126.000.000.000 đồng

Giá trị Công ty đầu tư : 51.392.880.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn : 36%

Ngành nghề kinh doanh chính : Tư vấn, khảo sát, thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, lắp đặt điện nước, trang trí nội thất, xử lý nền móng công trình





## CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

Trong lĩnh vực cơ điện công trình, khách hàng trong và ngoài nước biết đến Công ty như một nhà thầu hàng đầu tại Việt Nam về năng lực, kinh nghiệm thực hiện các công trình có quy mô lớn, các dự án được thiết kế, thi công theo chuẩn mực quốc tế như các dự án về khách sạn và resort 5, 6 sao, cao ốc văn phòng hạng A, bệnh viện, trường học quốc tế và các nhà máy dược phẩm đạt chuẩn GMP-WHO.

Trong lĩnh vực Lạnh công nghiệp, Công ty đã liên tục cải tiến để hoàn thiện sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Các sản phẩm mới đã được sản xuất như IQF tăng sôi 1000kg/h cấp đông xoài, thiết bị hấp dùng belt lưới cho phép hấp trực tiếp tôm nhỏ, IQF siêu tốc 1000 kg/h dùng belt balance weave bước nhuyển để cấp đông tôm nhỏ, tủ điện điều khiển Line IQF tích hợp các tính năng điều khiển mở rộng... Sản phẩm của Công ty được trao tặng các giải thưởng chất lượng như Cúp vàng thương hiệu Việt, huy chương vàng của các hội chợ quốc tế hàng Công nghiệp, đặc biệt sản phẩm IQF siêu tốc đạt giải nhì trong cuộc triển lãm quốc tế về ngành thủy hải sản tại Chennai (Ấn Độ), tạo nên tiếng vang và ấn tượng tốt cho Khách hàng.

Sản phẩm panel cách nhiệt Poly-urethane được sản xuất theo công nghệ châu Âu. Hiện nay Công ty đang đầu tư thay đổi công nghệ sản xuất sang công nghệ xanh Cyclopentane hoàn toàn thân thiện với môi trường.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được Nhà nước trao tặng huân chương lao động hạng hai, hạng ba và các bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ; lọt top 500VNR các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và được Cục thuế Tp.HCM trao tặng giấy chứng nhận doanh nghiệp nộp thuế tốt nhất.





MỘT SỐ CÔNG TRÌNH VÀ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



DỰ ÁN PEARL PLAZA



DỰ ÁN VISTA VERDE



DỰ ÁN VIETTEL TRADE CENTER



HỆ THỐNG LẠNH



NHÀ MÁY VINAMILK



NHÀ KHÁCH VIP – SÂN BAY NỘI BÀI



KHO LẠNH



LINE IQF SIÊU TỐC LƯỚI



## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

**Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Xuyên suốt quá trình hoạt động của mình, Công ty luôn đề ra mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao giá trị lợi ích của cổ đông bằng cách không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động cốt lõi trong ngành cơ điện lạnh và phát triển mở rộng sang các nghề liên quan trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

**Chiến lược phát triển trung và dài hạn:** Công ty đã, đang và sẽ tập trung vào các hoạt động cốt lõi, tìm kiếm cơ hội đầu tư, liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài, mở rộng hợp tác đầu tư sang nhiều lĩnh vực để trở thành một tập đoàn đa ngành với hoạt động cốt lõi là lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như năng lượng sạch, sản phẩm thân thiện với môi trường, thiết bị công nghệ tạo giá trị gia tăng trong quá trình chế biến nông sản và thực phẩm. Quản lý hiệu quả nguồn vốn đồng thời đảm bảo lợi ích cổ đông cũng như nâng cao thu nhập cho CBCNV.

**Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:** Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội; để phát triển bền vững, Công ty không ngừng nghiên cứu, đầu tư vào lĩnh vực công nghệ xanh, sạch và thân thiện với môi trường.

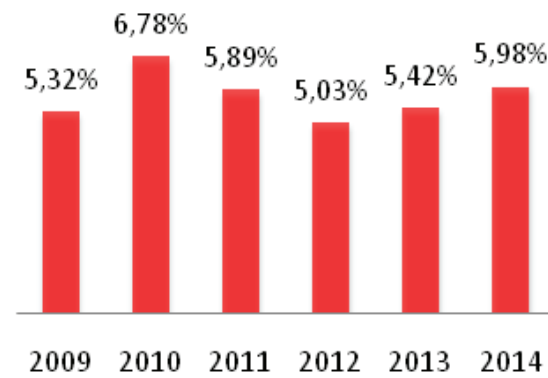
## 6. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### 6.1. Rủi ro kinh tế

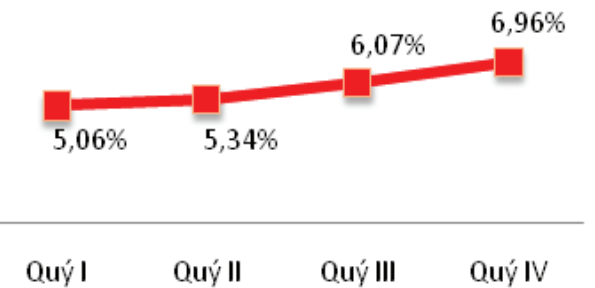
#### 6.1.1. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 có nhiều tín hiệu tích cực và đang dần đi vào ổn định hơn so với các năm trước. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thể hiện đà tăng trưởng được duy trì, sự phục hồi ngày càng rõ nét và đồng đều. Bên cạnh đó, thị trường tài chính cũng cho thấy sự chuyển biến tích cực, tình hình ngân sách được cải thiện. Cụ thể, số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy: Năm 2014 kết thúc với với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 5,98% so với năm 2013. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu tăng 5,8% đề ra đầu năm của Quốc hội. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31% và 43,31%).

GDP qua các năm từ 2009 - 2014



GDP qua các quý trong năm 2014



Môi trường kinh doanh thuận lợi là một yếu tố quan trọng hàng đầu đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Nhờ vậy, năm 2014 là một năm hoạt động của Công ty khởi sắc hơn so với 2013 khi đạt mức doanh thu và lợi nhuận tăng lần lượt khoảng 48% và 67% so với cùng kỳ. Khu vực công nghiệp xây dựng và nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế (56,4%), điều này hứa hẹn sự phát triển vượt bậc của Công ty trong vài năm tới.

### 6.1.2. Rủi ro về biến động lãi suất

Mặt bằng lãi suất giảm 1,5-2%/năm và duy trì xu hướng ổn định so với thời điểm cuối năm 2013 là diễn biến chung trong cả năm 2014.

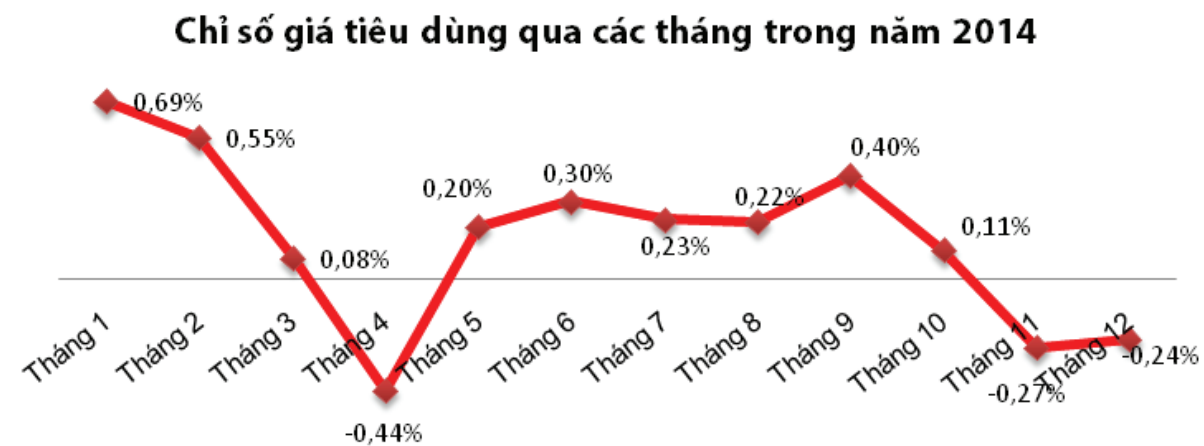
Thực tế cho thấy trong năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai nhiều giải pháp tín dụng linh hoạt gắn kết với các chính sách tín dụng ưu tiên để hỗ trợ các ngân hàng thương mại mở rộng tín dụng có hiệu quả, giúp doanh nghiệp dễ tiếp cận vốn với mức lãi suất thấp hơn khá nhiều so với mấy năm trước. Đến nay mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm 1,5% -2% so với năm ngoái và giảm từ 30% đến 50% so với cách đây 3 năm. Đây là một nhân tố tích cực tác động đến quyết định lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại. Như vậy, xu hướng lãi suất giảm và ổn định trong suốt cả năm 2014 so với thời điểm cuối năm 2013 đã góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới của các doanh nghiệp.

### 6.1.3. Rủi ro về biến động tỷ giá

Nhờ các giải pháp điều hành nhất quán, sự kết hợp đồng bộ giữa các chính sách tỷ giá, lãi suất và các công cụ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước nên tỷ giá và thị trường ngoại hối trong năm 2014 về cơ bản ổn định, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân đều được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Với một doanh nghiệp có nhiều giao dịch nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư hàng hóa như Công ty thì sự ổn định của tỷ giá là một yếu tố tối quan trọng đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 6.1.4. Rủi ro về tốc độ tăng lạm phát



Trong suốt năm 2014, lạm phát luôn duy trì ở mức thấp trước sức ép suy giảm giá dầu và giá hàng hóa nói chung. Theo Tổng cục Thống kê, mức lạm phát trong năm 2014 đạt mức thấp nhất trong 10 năm qua. Diễn biến tỷ giá thấp, ổn định đã góp phần cải thiện mức sống thực tế của người dân, củng cố sức mua của đồng nội tệ, khả năng thanh khoản, giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay, tăng mức hấp dẫn đầu tư vào Việt Nam... Nhờ vậy, môi trường kinh doanh trở nên thuận lợi, hấp dẫn hơn đối với các doanh nghiệp trong nước.

### 6.2. Rủi ro về Luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, các chính sách thuế; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, hoàn thiện như Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ có hiệu lực vào ngày 01/7/2015, nghị định của Chính phủ về thị trường chứng khoán hay thông tư mới về công bố thông tin... hiện đang được soạn lập dự thảo lấy ý kiến đóng góp...

### 6.3. Các rủi ro khác

Rủi ro khác là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai (động đất, bão lụt, hoả hoạn, dịch bệnh...), chiến tranh, khủng bố, khủng hoảng kinh tế... Những rủi ro này rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực không thể lường trước được đối với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.









## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Năm 2014, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng chưa bền vững và đồng đều, lạm phát có xu hướng giảm, hầu hết các ngân hàng trung ương duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Thị trường tài chính chứa đựng nhiều rủi ro với giá vàng biến động phức tạp, giá dầu thô giảm mạnh. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô diễn biến theo hướng tích cực, các yếu tố vĩ mô phần lớn cải thiện, lạm phát ổn định ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế đạt cao hơn cùng kỳ năm 2012 và 2013, ước tính cả năm vượt mức mục tiêu 5,8%. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa hết khó khăn, sức cầu của nền kinh tế đã có chuyển biến tích cực nhưng cần tiếp tục đẩy mạnh để nâng cao khả năng hấp thụ vốn.

#### Tình hình thực hiện kế hoạch 2014

(Số liệu hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014	TH 2014	%TH2014/2013	% TH/KH2014
Doanh số ký hợp đồng	Tỷ đồng	783,7	954,0	1.134,1	144,7%	118,9%
Doanh thu thực hiện	Tỷ đồng	565,9	911,0	837,3	148,0%	91,9%
Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	49,5	51,0	72,9	147,3%	142,9%
Lợi nhuận sau thuế (*)	Tỷ đồng	38,6	42,0	64,8	167,9%	154,3%
EPS (**)	VNĐ/CP	1.707		2.659	55,8%	

(\*) Số liệu kế hoạch 2014 chưa bao gồm phần lợi nhuận từ công ty liên kết.

(\*\*) EPS được tính theo số lượng cổ phiếu sau khi phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2:1

Kết thúc năm 2014, Doanh số ký hợp đồng toàn Công ty đạt 1.134,1 tỷ đồng, đạt 118,9% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra và tăng 44,7% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu thuần tăng trưởng 48,0% và lợi nhuận sau thuế tăng hơn 67,9% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh trong năm 2014 không thể không kể đến sự đóng góp từ phần lợi nhuận từ công ty liên kết – Công ty CP Xây lắp Thừa Thiên Huế với giá trị đóng góp 27,9 tỷ đồng, tương ứng 38,3% trong tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế trong nước tăng trưởng khả quan, lĩnh vực xây dựng bất động sản khởi sắc, ngành thủy sản cũng được đánh giá là tăng trưởng ổn định. Đây là yếu tố tối quan trọng, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những hợp đồng lớn từ các năm trước được hoàn thành trong năm, thêm vào đó là không ít hợp đồng có giá trị lớn được ký kết và triển khai trong năm 2014 tạo nên những con số tăng ấn tượng so với các năm trước về doanh số hợp đồng cũng như doanh thu thực hiện trong năm.

Ngoài ra, nền tảng cho những thành tựu đạt được trong năm là quy mô, năng lực của Công ty được tích lũy, gây dựng trong suốt 40 năm qua, thêm vào đó là sự hợp tác hỗ trợ của Taisei Oncho, Công ty đã có thể tiếp cận được những dự án và những công trình lớn như Pearl Tower, Vista Verde, Viettel Office and Trade Centre...



## 2. Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban điều hành và các cán bộ chủ chốt



**Ông Lê Tấn Phước**  
Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 644.181  
cổ phần, chiếm 2,64% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành  
viên HĐQT Công ty CP Xây lắp Thừa Thiên  
Huế, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ  
Nghệ Lạnh Á Châu



**Bà Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 19.818  
cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng  
Ban kiểm soát CTCP Xây lắp Thừa Thiên  
Huế, Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV  
Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu



**Ông Nguyễn Trường Hải**  
Giám đốc Kinh doanh – Thị trường

Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:  
không có

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:  
Không có



**Ông Trần Đình Mười**  
Giám đốc Khối M&E

Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt và  
Máy lạnh

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:  
14.841 cổ phần chiếm 0,06% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:  
Không có



**Ông Mai Chánh Thành**  
Giám đốc Chi nhánh Cơ Điện Công  
Trình

Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:  
46.479 cổ phần, chiếm 0,19% vốn  
điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:  
không có



**Ông Nguyễn Quốc Cường**  
Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:  
39.408 cổ phần, chiếm 0,16% vốn  
điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:  
Không có

### Những thay đổi Ban điều hành

Trong năm 2014 không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

Từ ngày 01/01/2015 có một số thay đổi nhân sự trong Ban điều hành như sau: Ông Trần Bảo thôi nhiệm chức vụ Giám đốc Khối xây dựng; ông Trần Đình Mười được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối M&E; ông Nguyễn Quốc Cường được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng thay Ông Viên Quang Mùi đã từ nhiệm.

## Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>650</b>	<b>100%</b>
1	Đại học và trên Đại học	291	44,77%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	147	22,62%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	115	17,69%
4	Lao động phổ thông	97	14,92%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>	<b>650</b>	<b>100%</b>
1	Lao động trực tiếp	387	59,54%
2	Lao động gián tiếp	263	40,46%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>650</b>	<b>100%</b>
1	Nam	592	91,08%
2	Nữ	58	8,92%
<b>Tổng cộng</b>		<b>650</b>	<b>100%</b>

Tại ngày 31/12/2014, toàn Công ty có 650 lao động. Thu nhập bình quân trong năm 2014 đạt 12.000.000 đồng/người/tháng (năm 2013 là 11.000.000 đồng/người/tháng).

## Một số chính sách đối với người lao động trong năm 2014

Nguồn nhân lực là tài sản quý nhất của Công ty, là nền tảng để Công ty đạt được thành tựu như hiện nay và tiếp tục phát triển trong tương lai. Công ty không ngừng nỗ lực để trở thành nơi làm việc tốt nhất và mọi nhân viên có thể đạt được mục tiêu nghề nghiệp của mình.

### Môi trường làm việc

Văn phòng hiện đại, nhiều tiện ích; nhà máy khang trang, sạch đẹp.

Môi trường làm việc hướng đến sự chuyên nghiệp, dân chủ, ứng xử văn minh, thân thiện và hợp tác; đồng nghiệp là những người giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm và các chuyên gia nước ngoài.

### Chế độ lao động

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ Lễ, phép, nghỉ khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Nhân viên được cấp đồng phục; trang bị máy tính, điện thoại bàn, văn phòng phẩm, account email; tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, máy tính bảng... Ngoài ra, nhân viên có thể tham khảo sách, tài liệu tại thư viện Công ty hoặc tài liệu điện tử trên sharepoint.

### Chính sách tuyển dụng

Công ty lựa chọn những ứng viên phù hợp với vị trí công việc dựa trên phẩm chất, năng lực, thái độ, kinh nghiệm của ứng viên. Nhằm mục tiêu phát triển dài hạn, Công ty ưu tiên tuyển dụng lao động tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài và sinh viên mới tốt nghiệp loại giỏi với mức lương cạnh tranh cùng chế độ đãi ngộ tốt.

### Chính sách đào tạo và phát triển

Đào tạo và phát triển nhân viên luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nhằm nâng cao năng lực cá nhân của nhân viên, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận trong tương lai.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng cấp nhân viên và yêu cầu năng lực đối với từng vị trí, Công ty có những hình thức đào tạo như:

Cử nhân viên đi đào tạo về chuyên môn ở trong và ngoài nước (Nhật Bản...)

Đào tạo tập trung các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc cho nhân viên, kỹ năng Quản lý cho đội ngũ kế cận.

Tổ chức hội thảo chuyên đề trong nội bộ Công ty và kết hợp với sự hỗ trợ của các nhà cung cấp, nhà sản xuất trong và ngoài nước.

Lập các dự án nghiên cứu kỹ thuật có tính ứng dụng cao để vừa đào tạo vừa áp dụng vào thực tiễn công việc;

Cử người phụ trách kèm cặp nhân viên mới và huấn luyện trong công việc;

Luân chuyển nhân viên trong nội bộ hoặc cử đến các cơ sở của Công ty ở trong và ngoài nước để đào tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty khuyến khích nhân viên chủ động đề xuất với Phòng Nhân sự và cấp quản lý để được chuyển sang làm công việc và/hoặc bộ phận khác nếu thấy thích thú hoặc phù hợp hơn với công việc/bộ phận đó.

### Chính sách thăng tiến

Tại Công ty, nhân viên giỏi có thể tự quyết định sự nghiệp và con đường phát triển nghề nghiệp của mình.

Những người có khát vọng, hoài bão, tinh thần vượt khó và ý chí vươn lên có nhiều cơ hội được đề bạt vào các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

### Chính sách đánh giá thành tích nhân viên

Việc đánh giá thành tích nhân viên được thực hiện định kỳ và theo ba tiêu chí: Kết quả công việc, Kỹ năng, Thái độ.

Thông qua đánh giá thành tích, cấp quản lý nhận diện được những nhân viên tiềm năng để đưa vào quy hoạch đội ngũ kế thừa, đồng thời lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên. Đây cũng là cơ sở để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

### Chính sách tiền lương

Công ty đang áp dụng chính sách trả lương theo nguyên tắc 3Ps đảm bảo công bằng và cạnh tranh trên thị trường: Vị trí công việc (Position), Năng lực cá nhân (Personal), Kết quả công việc (Performance)

Việc xem xét tăng lương sẽ được thực hiện hàng năm đối với tất cả nhân viên. Nhân viên mới và cá nhân có thành tích xuất sắc nổi bật hoặc đảm đương thêm trách nhiệm/công việc có thể được điều chỉnh lương trước thời hạn. Mức tăng lương tùy thuộc vào kết quả đánh giá thành tích nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty.

### Chính sách phụ cấp

Ngoài tiền lương, nhân viên còn được hưởng thêm phụ cấp cơm trưa, chi phí gửi xe hoặc phụ cấp công trình.

Ngoài ra, tùy theo vị trí công việc và/hoặc cấp bậc, nhân viên còn được hưởng các khoản phụ cấp khác như: cước viễn thông, phụ cấp xăng xe, chi phí taxi, công tác phí...



### Chính sách thâm niên

Nhân viên làm việc liên tục tại Công ty từ năm thứ năm trở đi được hưởng chế độ thâm niên và nhiều chế độ đãi ngộ khác. Nhân viên được điều chuyển sang làm việc cho đơn vị thành viên của Công ty (công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện...) hoặc ngược lại thì thời gian làm việc tại Công ty hoặc tại các đơn vị thành viên của Công ty vẫn được tính vào thâm niên làm việc của nhân viên.

### Chính sách Khen thưởng

Công ty có các hình thức khen thưởng sau:

Lương tháng 13;

Thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh (lương năng suất) theo đóng góp của nhân viên và thành tích của đơn vị;

Thưởng đột xuất cho nhân viên khi đạt được các thành tích xuất sắc và/hoặc làm lợi cho Công ty như cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng với lãi gộp cao, vượt kế hoạch trước thời hạn...

Thưởng cho tập thể lao động giỏi, cá nhân tiêu biểu;

Thưởng cho cán bộ quản lý lãnh đạo theo mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh hàng năm;

### Chính sách Phúc lợi

Nổi bật tại Công ty là chính sách phúc lợi khá toàn diện. Mục tiêu của Công ty là tạo ra môi trường làm việc thân thiện, vui tươi và giúp nhân viên có một cuộc sống tốt hơn.

Nhân viên Công ty đều được hưởng các chế độ phúc lợi sau đây (bằng hiện kim hoặc quà tặng có giá trị):

Mừng sinh nhật nhân viên;

Mừng nhân viên khi kết hôn hợp lệ;

Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và/hoặc ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 (dành cho nhân viên nữ);

Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 (cho các cháu là con của nhân viên);

Ngày Trung thu;

Du lịch nghỉ mát hàng năm (trong nước hoặc nước ngoài);

Thăm hỏi nhân viên khi ốm đau, sinh nở, tai nạn;

Phúng điếu khi thân nhân của nhân viên và/hoặc khi nhân viên qua đời;

Khen thưởng cho con của nhân viên có thành tích trong học tập, phong trào;

Trợ cấp khó khăn đột xuất cho nhân viên khi gặp khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống;

Đăng ký cho CBCNV tập thể dục tại các phòng tập Gym; tổ chức sân tennis, cầu lông, bóng đá cho nhân viên tập luyện một tuần 03 buổi theo sở thích.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động team building cho nhân viên để rèn luyện kỹ năng và tinh thần đồng đội; các hoạt động từ thiện, cộng đồng xã hội vì mục đích cao đẹp.

### Chính sách bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe

Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên được Công ty thực hiện theo quy định của Nhà nước. Nhân viên của Công ty còn được hưởng các chế độ bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe sau đây:

Khám sức khỏe và xét nghiệm kiểm tra bệnh tật định kỳ hàng năm tại các cơ sở y tế có uy tín;

Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn 24/24h với mức bồi thường cao nhất đến 300 triệu đồng/trường hợp/năm;

Bảo hiểm khi đi công tác nước ngoài;

Bảo hiểm đặc biệt dành cho cán bộ quản lý và người thân, bao gồm: điều trị nội/ngoại trú, trợ cấp nằm viện, chi phí trước và sau nằm viện, khám chữa răng, bồi thường rủi ro thương tật...

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình đầu tư của Công ty: Trong năm 2014, Công ty đã đầu giá thành công 4.536.000 cổ phần của CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Công ty này. Tính đến cuối năm 2014, Công ty đã nhận phần đóng góp từ Công ty liên kết tương đương 27,9 tỷ đồng.

Cụ thể tình hình tài chính của công ty con, công ty liên kết của Công ty như sau:

### Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính của Công ty con

Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (Arico)

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2014
Doanh số ký hợp đồng	177,23
Doanh thu	249,42
LNTT	18,62
LNST	17,12
Tổng tài sản	214,40
Vốn điều lệ	70,00

### Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính Công ty liên kết

Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (HCC)

ĐVT: Tỷ đồng

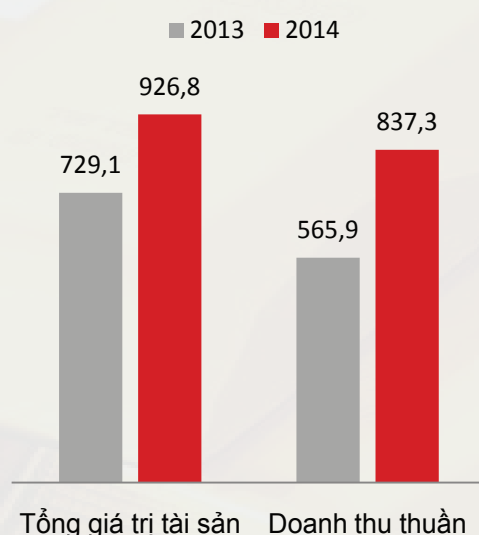
Chỉ tiêu	TH 2014
Doanh thu thuần	550,74
LNTT	40,09
LNST	34,09
Tổng tài sản	661,73
Vốn điều lệ	126,00

## 4. Tình hình tài chính

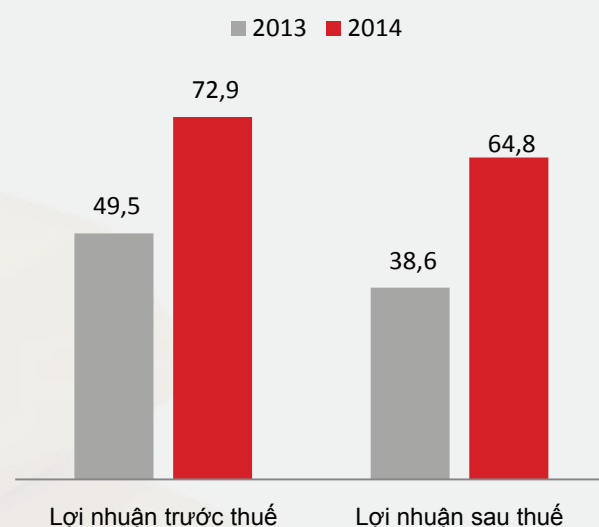
### Tình hình tài chính (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2013	2014	%2014/2013
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	729,1	926,8	127,1%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	565,9	837,3	148,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	49,5	72,9	147,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	38,6	64,8	167,8%

Doanh thu thuần, tổng tài sản  
(ĐVT: Tỷ đồng)



Kết quả lợi nhuận 2014 so với 2013  
(ĐVT: Tỷ đồng)



### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,86	1,41
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,33	1,06
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,00	1,40
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,13	3,90
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,79	1,01
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,8	7,7
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,6	17,2
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,4	7,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,6	5,4

#### Khả năng thanh toán

Công ty luôn duy trì lượng tiền mặt lớn đã góp phần duy trì vị thế chủ động về khả năng thanh toán của Công ty, trung bình trong 2 năm qua 2013 – 2014, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đạt 1,635 lần và hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 1,19 lần. Mặc dù xu hướng năm 2014, các chỉ số có sự giảm nhẹ do sự gia tăng của nợ ngắn hạn nhưng vẫn đảm bảo mức an toàn về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty.

#### Cơ cấu vốn

Công ty duy trì cơ cấu vốn khá cân đối giữa nợ phải trả và tổng tài sản. So với năm 2013, tỷ lệ này chỉ tăng nhẹ từ 0,5 lần lên 0,58 lần. Tương tự, so với vốn chủ sở hữu, tỷ lệ nợ cũng tăng lên trong năm 2014 so với cùng kỳ, chủ yếu là do sự tăng lên của nợ vay ngắn hạn.

#### Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã có sự gia tăng đáng kể, từ mức 2,13 lần năm 2013 tăng lên 3,9 lần trong năm 2014, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang có chiều hướng tốt. Trong khi doanh thu 2014 tăng mạnh thì hàng tồn kho vẫn duy trì ở mức ổn định (chỉ tăng 8,1% so với cùng kỳ). Vòng quay hàng tồn kho tăng lên, khả năng vốn lưu động của Công ty bị tổn động giảm giúp hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được cải thiện rõ rệt.

Tương tự, mặc dù Tổng tài sản 2014 tăng trên 26% so với 2013 (từ 729,1 tỷ đồng lên 926,7 tỷ đồng), tuy nhiên với tốc độ tăng doanh thu 47,96% năm 2014 (từ mức 565 tỷ đồng năm 2013 lên mức 837 tỷ đồng năm 2014) đã kéo Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản cũng tăng mạnh từ 0,79 lần (năm 2013) lên 1,01 lần trong năm 2014.

#### Khả năng sinh lời

Có thể nhận thấy 3 trong 4 chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2014 đã có sự gia tăng đáng kể so với năm 2013, cho thấy Công ty đang đi đúng hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, đặc biệt là chiến lược đầu tư vào công ty liên kết HCC nhằm thâm nhập lĩnh vực mới.



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Thông tin cổ phần

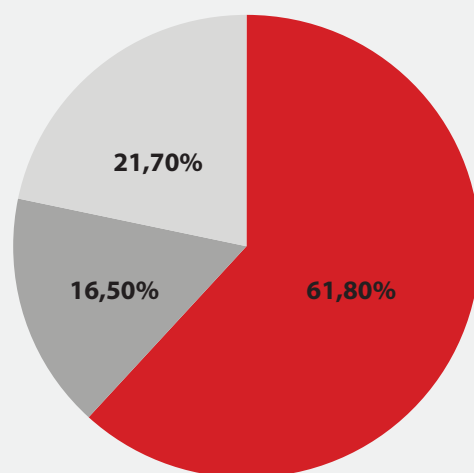
Số lượng cổ phần : 24.374.916 cổ phần  
 Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng  
 Số cổ phần ưu đãi : không có  
 Số cổ phần phổ thông : 24.374.916 cổ phần  
 Số cổ phần đang lưu hành : 24.361.876 cổ phần  
 Số cổ phần chuyển nhượng tự do : 24.374.916 cổ phần  
 Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : không có

### Cơ cấu cổ đông Theo danh sách chốt ngày 06/03/2015

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu như sau

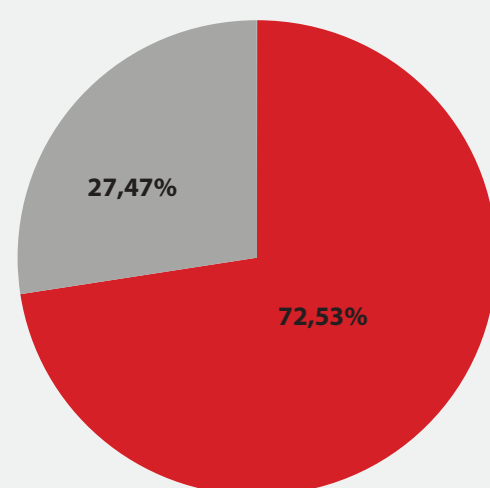
Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng cp	Tỷ lệ (%)	Số lượng cp	Tỷ lệ (%)	Số lượng cp	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sở hữu trên 5%	9.009.021	36,96%	6.074.630	24,92%	15.083.651	61,88%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	3.760.676	15,43%	249.540	1,02%	4.010.216	16,45%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	4.906.964	20,13%	374.085	1,53%	5.281.049	21,67%
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.676.661</b>	<b>72,52%</b>	<b>6.698.255</b>	<b>27,48%</b>	<b>24.374.916</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



■ Cổ đông sở hữu trên 5%  
 ■ Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%  
 ■ Cổ đông sở hữu dưới 1 %

Cơ cấu cổ đông theo đối tượng sở hữu

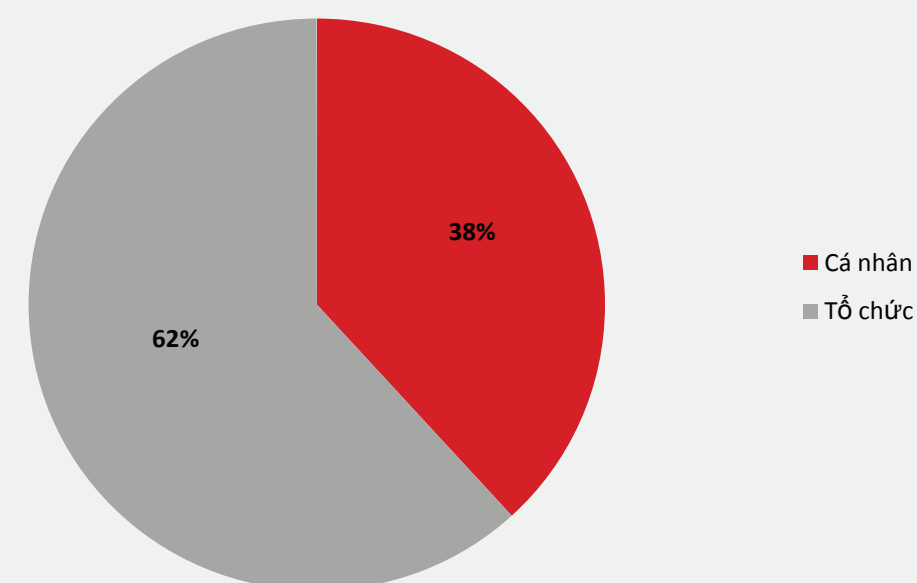


■ Cổ đông trong nước  
 ■ Cổ đông nước ngoài

### Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>17.676.661</b>	<b>72,6%</b>
Cá nhân	9.217.236	37,9%
Tổ chức	8.459.425	34,7%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>6.698.255</b>	<b>27,4%</b>
Cá nhân	83.965	0,3%
Tổ chức	6.614.290	27,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.374.916</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu cổ đông theo loại hình đăng ký sở hữu



■ Cá nhân  
 ■ Tổ chức

### Danh sách cổ đông lớn

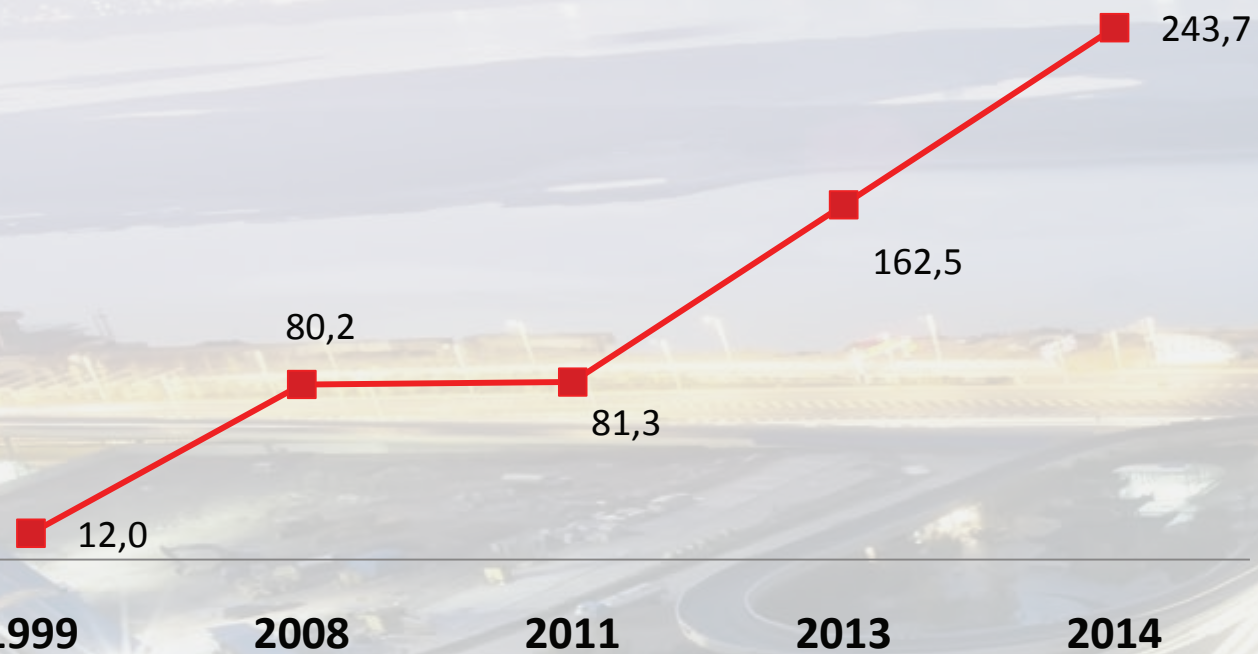
Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
TAISEI ONCHO CO.,LTD	CA6347	1-47-1 Oi, Shinagawa-ku, Tokyo	6.074.630	24,9%
Công ty Cổ phần Sao Phương Nam	0302578647	72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P6, Q3, TP. Hồ Chí Minh.	5.895.021	24,2%
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam	0310745210	2-4-6 Đồng Khởi, Q.1, Tp.HCM	3.114.000	12,8%
<b>Tổng cộng</b>			<b>15.083.651</b>	<b>61,9%</b>



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần đến nay, Công ty đã trải qua quá trình tăng vốn như sau:

Quá trình tăng vốn qua các năm  
(Đơn vị: Tỷ đồng)



Trong tháng 5/2014, Công ty đã thực hiện đợt tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Thông tin cụ thể như sau:

Nội dung	Trước khi thay đổi	Phát hành thêm	Sau khi thay đổi
1. Vốn điều lệ (đồng)	162.542.920.000	81.206.240.000	243.749.160.000
2. Tổng số cổ phần	16.254.292	8.120.624	24.374.916
3. Số lượng cổ phiếu quỹ (*)	9.800	3.240	13.040
4. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	16.244.492	8.117.384	24.361.876
5. Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0	0	0

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Tính đến 31/12/2014, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 13.040 cổ phần. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện mua lại 3.240 cổ phần từ CBCNV nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ.



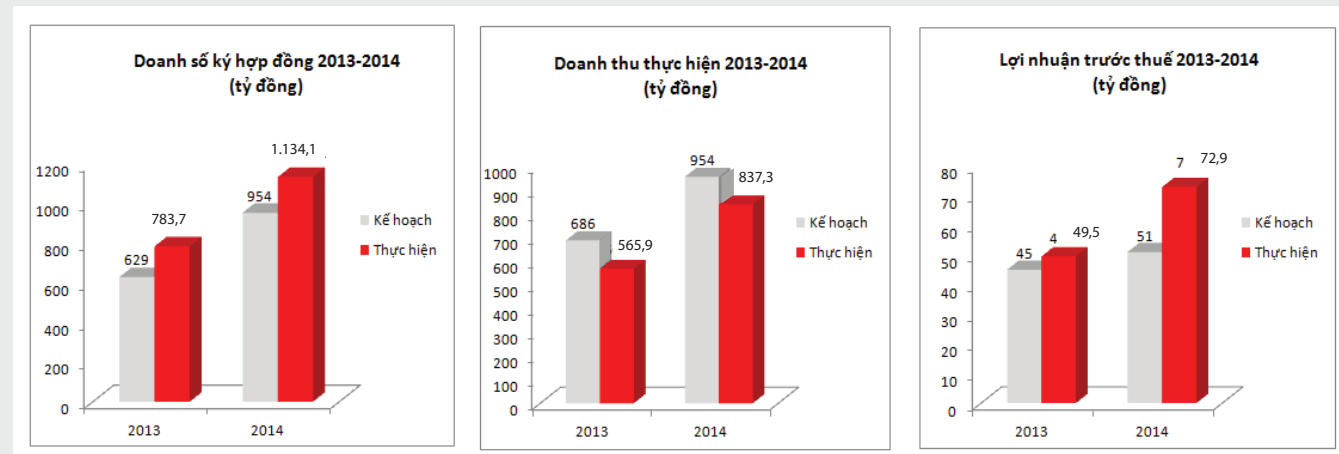


### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014	TH 2014	%TH2014/2013	% KH2014
Doanh số ký hợp đồng	Tỷ đồng	783,7	954	1134,1	144,7%	118,9%
Doanh thu thực hiện	Tỷ đồng	565,9	911	837,3	148,0%	91,9%
Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	49,5	51	72,9	147,3%	142,9%

(\*) Số liệu KH 2014 chưa bao gồm lợi nhuận từ Công ty liên kết (HCC)



Hưởng lợi từ môi trường vĩ mô thuận lợi, lĩnh vực bất động sản ấm dần lên, lĩnh vực thủy sản cũng đạt được mức tăng trưởng đáng kể, kết quả đạt được trong năm 2014 cũng khá tích cực với tổng giá trị các hợp đồng ký kết đạt mức cao nhất từ trước đến nay và vượt 18,9% mức kế hoạch đã đề ra.

Doanh thu thực hiện dù chỉ đạt gần 92% so với chỉ tiêu kế hoạch được ĐHQĐ thường niên năm tài chính 2013 thông qua nhưng đây là con số khá ấn tượng, vượt 47,9% giá trị thực hiện trong năm 2013. Điểm nổi bật là sự tăng trưởng đáng ghi nhận của lợi nhuận trước thuế. Kết thúc năm tài chính 2014, tổng giá trị lợi nhuận trước thuế đạt 72,9 tỷ đồng, tăng 47,3% so với cùng kỳ và vượt 42,9% mức kế hoạch đề ra. Kết quả ấn tượng này có được là nhờ một phần đóng góp đáng kể của phần lợi nhuận từ Công ty liên kết – CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (chiếm 38% tổng giá trị lợi nhuận trước thuế).

Những kết quả đạt được trên đây hứa hẹn sẽ tạo đà tăng vững chắc cho Công ty trong thời gian tới – khi nền kinh tế trong nước và quốc tế phục hồi đồng đều và rõ rệt hơn.

#### Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2014

Điểm nổi bật trong năm 2014 là trong hoạt động đầu tư vào công ty liên kết. Việc đầu tư mua lại 36% cổ phần của Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (HCC) đã mang về lợi nhuận 27,9 tỷ đồng. Ngoài ra, hoạt động đầu tư vào HCC sẽ góp phần hỗ trợ Công ty phát triển theo hướng tổng thầu theo đúng định hướng của HĐQT.

Trong lĩnh vực Lạnh Công Nghiệp, để gia tăng tính cạnh tranh và mở rộng thị phần ra nước ngoài, HĐQT đã thông qua chủ trương đầu tư nhà máy Panel và nhà máy Cơ điện trong năm 2014 và chủ trương này sẽ đưa vào thực hiện trong năm 2015 để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Trong lĩnh vực M&E, Công ty đã thay đổi cơ cấu quản lý nhằm gia tăng quy mô hoạt động phù hợp với sự nóng ấm trở lại của thị trường xây dựng - bất động sản khi các hoạt động M&E tại khu vực phía Nam sẽ do hai đơn vị thành viên là Searefico M&E và Khối M&E thuộc văn phòng công ty mẹ trực tiếp thực hiện, thay vì chỉ có một đơn vị như trước đây.

Thành lập Ban Tham mưu cho Giám đốc trong việc thu hồi công nợ để cải thiện tình trạng bị chiếm dụng vốn; Doanh thu được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc lên kế hoạch doanh thu từng tháng, từng quý cho các Giám đốc dự án.

Đảm bảo tỷ lệ tăng thu nhập bình quân người lao động trong năm 2014 cao hơn mức lạm phát.



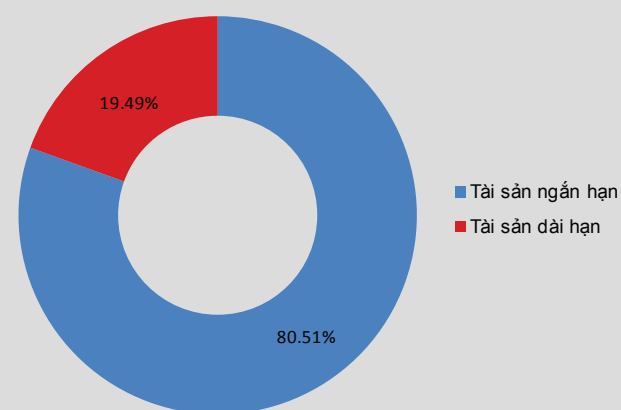
## 2. Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

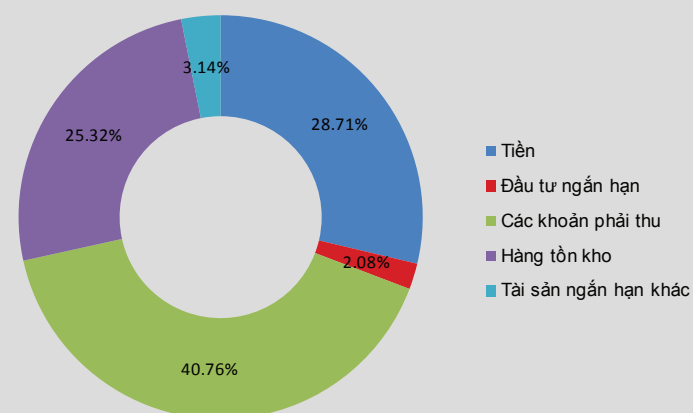
Tỷ trọng tài sản dài hạn trong cơ cấu tài sản của Công ty năm 2014 có sự gia tăng nhẹ, đó là do khoản đầu tư trị giá trên 51 tỷ đồng vào công ty liên kết CTCP Xây Lắp Thừa Thiên Huế, nắm giữ 36% vốn điều lệ tại Công ty này.

Tuy nhiên tương quan giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của Công ty cũng không có sự thay đổi đáng kể, khi mà tỷ lệ tài sản ngắn hạn của Công ty trong giai đoạn 2013 – 2014 chiếm trên 82% tổng tài sản. Đó cũng chính là đặc thù hoạt động thiết kế xây lắp của Công ty.

Cơ cấu tổng tài sản 2014



Cơ cấu tài sản ngắn hạn 2014

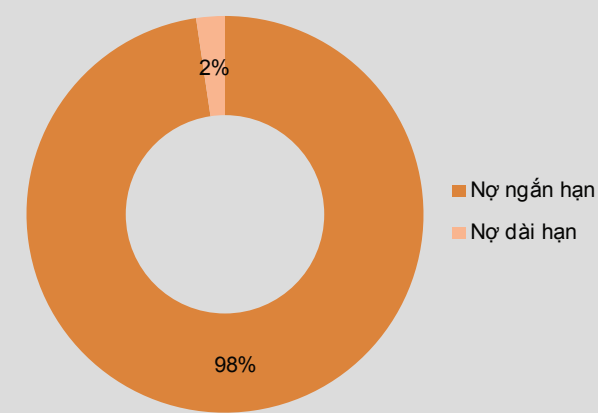


Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2014: chỉ tiêu tiền và tương đương tiền đạt 214 tỷ đồng (chiếm 28,7%), giảm nhẹ so với cùng kỳ; Hàng tồn kho đạt 188 tỷ đồng (chiếm 25,3%), tăng nhẹ so với cùng kỳ. Trong năm, có sự tăng đột biến của giá trị các khoản phải thu từ Khách hàng, trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu từ khách hàng là các bên liên quan tăng hơn 90 tỷ đồng, tương đương tăng khoảng 70% so với cùng kỳ, đây là khoản trả chậm theo hợp đồng đối với lĩnh vực hoạt động mới của công ty trong năm.

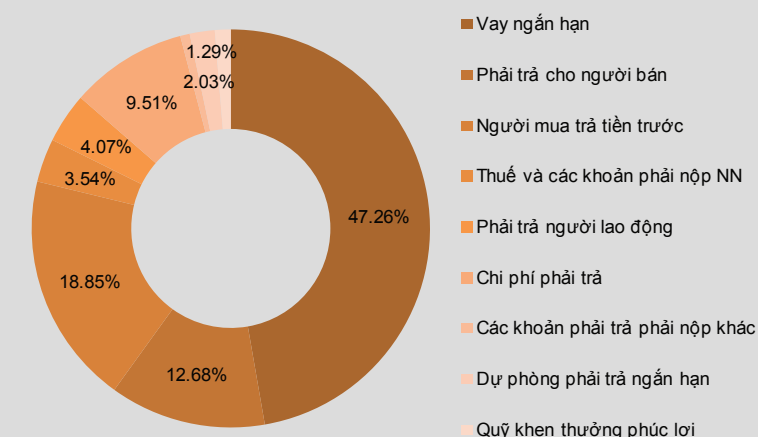
### Tình hình nợ phải trả

Với đặc thù hoạt động của Công ty, Nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ.

Cơ cấu nợ phải trả 2014



Cơ cấu nợ ngắn hạn 2014



Các khoản vay ngân hàng chiếm 47% trong tổng nợ ngắn hạn, trong đó Văn phòng Hồ Chí Minh vay 117 tỷ đồng, Chi nhánh Đà Nẵng vay 61 tỷ đồng và ARICO vay 61 tỷ đồng. Công ty và các đơn vị thành viên chủ yếu vay để bổ sung vốn lưu động trong năm. Với quy mô doanh thu đạt được tăng trưởng ở mức ấn tượng thì sự tăng lên của giá trị các khoản vay ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được đánh giá là khá hợp lý. Khoản vay dài hạn đến hạn phải trả chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong tổng giá trị nợ vay ngắn hạn với chỉ hơn 3% trong năm 2014.

Khoản vay dài hạn của Công ty còn 6,5 tỷ đồng (tại Arico), là khoản vay đầu tư xây dựng nhà xưởng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển từ năm 2009 với tài sản đảm bảo là nhà cửa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Đây là khoản vay được hỗ trợ 50% lãi suất, được vay trong thời hạn 7 năm.





### 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015

#### Chỉ tiêu kết quả SXKD 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015
1	Doanh số ký hợp đồng	Tỷ đồng	1.250
2	Doanh thu thực hiện	Tỷ đồng	1.150
3	Lợi nhuận trước thuế/hợp nhất	Tỷ đồng	61
4	Cổ tức dự kiến (% mệnh giá)	%	12

#### Các kế hoạch hoạt động

**Về ngành nghề hoạt động:** Hoạt động của công ty chia thành 6 lĩnh vực cụ thể là: (1) cơ điện công trình, (2) sản xuất thiết bị lạnh công nghiệp, (3) công nghệ thực phẩm và chế biến, (4) hoạt động thầu xây dựng, (5) sản xuất panel cách nhiệt, (6) đầu tư tài chính và liên doanh liên kết để cộng giá trị và mở rộng mạng lưới hoạt động, kết nối và hỗ trợ lẫn nhau trên các lĩnh vực có cùng chuỗi giá trị, tập trung vào lĩnh vực là thế mạnh của Searefco và có chuyên môn, kinh nghiệm, mạng lưới quan hệ.

#### Xây dựng quan hệ đối tác, khách hàng:

Tiếp tục xúc tiến hợp tác đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài để mở rộng thị trường và nâng cao năng lực hoạt động của Công ty trong lĩnh vực M&E và LCN.

Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, xây dựng các mối quan hệ hợp tác với khách hàng; tìm kiếm đối tác chiến lược, tăng cường hợp tác với nhà cung cấp, nhà thầu phụ.

Mở rộng mạng lưới xuất khẩu các sản phẩm Lạnh công nghiệp sang Ấn Độ và một số thị trường châu Á.

Khai thác tận dụng tối đa các nguồn lực và mối quan hệ trong toàn hệ thống của Công ty.

#### Về hoạt động đầu tư, tài chính:

Hoàn thành dự án thay đổi công nghệ sản xuất mới (công nghệ Cyclo penthane) đối với sản xuất Panel cách nhiệt đảm bảo cải tiến chất lượng sản phẩm và hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường theo nghị định thư Montreal.

Đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, công nghệ, tăng cường năng lực hoạt động để đáp ứng các yêu cầu, chuẩn mực quốc tế; nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm mới để tạo lợi thế cạnh tranh.

Quản lý an toàn và hiệu quả nguồn vốn, giảm thiểu rủi ro thanh khoản, đảm bảo duy trì tình trạng tài chính lành mạnh để hỗ trợ các hoạt động cốt lõi.

#### Về công tác nhân sự:

Đổi mới phương pháp tuyển dụng và đào tạo; tăng cường công tác đào tạo và nâng cao năng lực cho Cán bộ quản lý; xây dựng đội ngũ nhân sự, đặc biệt là đội ngũ nhân sự kế thừa.

Ban hành các chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân tài, giữ chân lao động có năng lực; tiếp tục duy trì và tăng cường công tác an toàn bảo hộ lao động, luôn nỗ lực vì một môi trường làm việc hiệu quả, có tính xây dựng, cống hiến cao

#### Về ứng dụng công nghệ:

Tiếp tục áp dụng công nghệ xanh, sạch như LEED, LOTUS và công nghệ quản lý BIM bao gồm cả việc triển khai ứng dụng Revit MEP, Revit Architech và Navis Works trong quản lý dự án, Inventer trong thiết kế và sản xuất.

#### Về công tác kiểm soát nội bộ:

Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, phát hiện những điểm còn tồn tại để hiệu chỉnh nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý, gia tăng hiệu quả hoạt động, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

### 4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không



## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 đã có nhiều dấu hiệu khả quan hơn so với các năm trước. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thể hiện đà tăng trưởng được duy trì vững chắc. Bên cạnh đó, thị trường tài chính cũng cho thấy sự chuyển biến tích cực.

Với những thuận lợi từ môi trường vĩ mô, Công ty đã cố gắng nắm bắt các cơ hội, cùng với sự hợp tác hỗ trợ của Công ty Taisei Oncho, Công ty CP Xây Lắp Huế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện so với các năm trước: Doanh số hợp đồng của toàn nhóm Công ty đạt trên 1.130 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 64,8 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Với mục tiêu doanh thu năm 2018 là 2.000 tỷ đồng, lợi nhuận 100 tỷ đồng thì kết quả năm 2014 sẽ tạo đà thuận lợi để Công ty tự tin chinh phục mục tiêu này.

Về quy mô hoạt động, đến nay vốn điều lệ của Công ty đã đạt mức 243 tỷ đồng (tăng gấp 3 lần so với cách đây 3 năm).

Với đà tăng trưởng về cả chất và lượng, Công ty đang dần khẳng định vị thế, uy tín và thương hiệu trong nước và vươn ra các nước trong khu vực.

Tổng hợp một số chỉ tiêu hợp nhất chủ yếu như sau:

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2013	TH 2014	+/-
Doanh số ký hợp đồng	783,7	1.134,1	44,7%
Doanh thu thuần	565,9	837,3	48,0%
LNTT	49,5	72,9	47,3%
LNST	38,6	64,8	67,9%
Tổng Tài sản	729,1	926,8	27,1%
Vốn điều lệ	162,5	243,7	50,0%

## 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

### Những mặt làm được

Trong năm 2014, Ban điều hành đã thể hiện nỗ lực, tâm huyết để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường nguồn lực bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu 2018 và những năm tiếp theo. Cụ thể, trong năm Ban điều hành đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận như sau:

Củng cố và mở rộng công tác thị trường, đặc biệt là thị trường nước ngoài với kết quả bước đầu khá ấn tượng: Tổng giá trị hợp đồng ký kết trong năm đạt trên 1.130 tỷ đồng, tổng giá trị các đơn hàng xuất khẩu đi Ấn Độ sau 2 năm đã đạt gần 100 tỷ đồng;

Mở rộng hợp tác, củng cố mối quan hệ chiến lược với các đối tác, khách hàng tiềm năng;

Đầu tư vào Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (Công ty liên kết) bước đầu đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận;

Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Những mặt chưa làm được

Trong năm 2014, Công ty đã nhận được sự hỗ trợ tận tình của đội ngũ Taisei Oncho về kỹ thuật, đào tạo, thương hiệu, nhờ đó Công ty đã có thể tiếp cận và trúng thầu một số dự án có giá trị lớn trong nước. Tuy nhiên, kết quả này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và mong đợi của cả hai bên.

Hệ thống quản lý hiện tại chưa theo kịp với nhu cầu phát triển của Công ty.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### Về đối nội

Tiếp tục quy hoạch và đào tạo lực lượng kế thừa cho quá trình chuyển giao thế hệ, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của đội ngũ lãnh đạo từ cấp PM trở lên, đảm bảo nguồn nhân lực chủ chốt đủ mạnh để dẫn dắt Công ty chinh phục những đỉnh cao mới.

Chú trọng nhiều hơn đến tính chuyên nghiệp trong quản lý, điều hành, chuẩn hoá các hệ thống kiểm soát dòng tiền, quản lý rủi ro, tiến độ, chất lượng, quản lý vật tư...

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý để nâng cao năng suất, giảm áp lực lên nhân viên.

### Về đối ngoại

Xây dựng hình ảnh Công ty: Uy tín chất lượng, tiến độ, chuyên nghiệp...bảo đảm tính cam kết cao đối với khách hàng.

Luôn minh bạch thông tin để giữ vững lòng tin mà Nhà đầu tư, các cổ đông đã có đối với Công ty trong những năm qua.

Mở rộng quan hệ đối với Chủ đầu tư, Nhà cung cấp, các công ty tư vấn...

Tiếp tục phát triển thị trường nước ngoài như Ấn Độ, Campuchia và một số nước trong khu vực.

## 4. Các hoạt động khác

R&D là hoạt động quan trọng của Công ty, Ban lãnh đạo luôn đề cao các hoạt động nghiên cứu tìm ra các sản phẩm mới, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, gia tăng lợi thế cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong năm qua công tác R&D vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi do chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị

#### Thành viên và Cơ cấu của Hội đồng Quản trị



#### **Ông Nguyễn Hữu Thịnh**

Chủ tịch HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Ông là một trong những cổ đông sáng lập Công ty.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng và có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành cơ điện lạnh và kinh qua nhiều vị trí quản lý, lãnh đạo Công ty.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 816.878 cổ phần, chiếm 3,35% vốn điều lệ.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



#### **Ông Lê Tấn Phước**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Ông là một trong những cổ đông sáng lập Công ty.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, làm việc tại Công ty từ năm 1987 đến nay.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 644.181 cổ phần, chiếm 2,64% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Xây lắp Thừa Thiên Huế, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



#### **Ông Nguyễn Thanh Sơn**

Thành viên HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Ông hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sao Phương Nam và Công ty CP Quốc tế Diplomat.

Ông tốt nghiệp ngành điện tử vi mạch và có bằng Cử nhân kinh tế chuyên ngành Thương mại Quốc tế tại Praha – Cộng hòa Séc.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Sao Phương Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sao Phương Nam, Thành viên HĐQT Công ty CP Xây Lắp Thừa Thiên Huế, Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



#### **Ông Nguyễn Thế Hưng**

Thành viên HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Ông hiện là Phó Giám đốc phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM (VCCI HCM)

Ông tốt nghiệp ngành Quan hệ Quốc tế tại Trường Đại học Ngoại Giao.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



#### **Ông Takashi Ichiki**

Thành viên HĐQT

Quốc tịch Nhật Bản

Ông hiện đang là Cố Vấn của Tập đoàn Taisei Oncho, Bộ phận quản lý và phát triển thị trường ngoài Nhật Bản.

Ông Ichiki có bề dày kinh nghiệm trong công tác tư vấn quản trị chiến lược cho các dự án triển khai mở rộng thị trường của Tập đoàn Taisei Oncho và là Giám đốc của Taisei Oncho Australia.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban nhưng có sự phân công cho các thành viên HĐQT để phụ trách và có bộ phận hỗ trợ riêng đối với từng vấn đề như Nhân sự, Lương thưởng, và các hoạt động khác như:

Thực hiện thủ tục chi trả cổ tức đợt 2/2013, tạm ứng đợt 1/2014, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014.

Điều chỉnh, cập nhật thông tin thay đổi của cổ đông trên Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK.

Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần theo tỷ lệ 2:1 để nâng vốn điều lệ lên 243.749.160.000 đồng và thực hiện đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm.

Hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát, theo dõi các hoạt động liên quan đến lương thưởng, hành chính nhân sự, cải thiện khâu tuyển dụng, hoạt động đào tạo trong Công ty.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Định kỳ, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp và ban hành 11 nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	001NQ/HĐQT-14	14/01/2014	Nâng cấp máy móc thiết bị và chuyển đổi công nghệ sản xuất Panel tại Arico
2	002NQ/HĐQT-14	25/01/2014	Đầu tư mua cổ phần Công ty CP xây lắp Thừa Thiên Huế
3	002 <sup>A</sup> NQ/HĐQT-14	07/03/2014	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2/2013
4	003NQ/HĐQT-14	22/04/2014	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	004NQ/HĐQT-14	28/04/2014	Thông qua hệ thống thang lương Công ty 2014
6	005NQ/HĐQT-14	19/08/2014	Đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị và chuyển đổi công nghệ sản xuất Panel tại Searee Đà Nẵng
7	006NQ/HĐQT-14	27/08/2014	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014
8	007NQ/HĐQT-14	29/10/2014	Phê duyệt chủ trương góp vốn thành lập Công ty đầu tư vào ngành nước
9	008NQ/HĐQT-14	22/12/2014	Thông qua Tờ trình của TGD v/v bổ nhiệm GD Searee
10	009NQ/HĐQT-14	22/12/2014	Thông qua Tờ trình của TGD v/v bổ nhiệm GD khối M&E
11	010NQ/HĐQT-14	22/12/2014	Thông qua Tờ trình của TGD v/v bổ nhiệm Kế toán trưởng Chi nhánh Cơ điện Công trình

## 2. Ban Kiểm soát

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

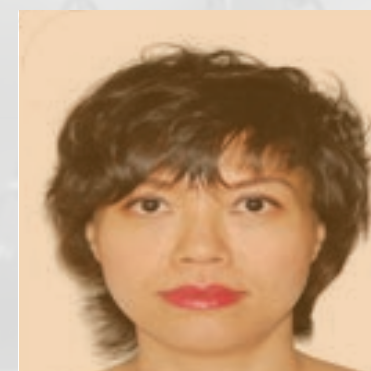


**Ông Bùi Văn Quyết**

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng CP nắm giữ: Không có



**Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn**

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số lượng CP nắm giữ: 600 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ



## Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Trong năm 2014, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp bất thường và định kỳ theo đúng quy định, phân công các thành viên thực hiện nhiệm vụ của BKS, cụ thể như sau :

Kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm; xem xét việc tổ chức lập, ghi chép, lưu trữ sổ sách kế toán; tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán;

Lựa chọn đơn vị kiểm toán, phạm vi kiểm toán, thảo luận các vấn đề vướng mắc, khó khăn và tồn tại trong quá trình kiểm toán;

Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật, chính sách chế độ Nhà nước: Luật doanh nghiệp, Luật Lao động, chính sách chế độ với người lao động, tình hình thực hiện các khoản thuế phải nộp Nhà Nước;

Tham gia các buổi họp của HĐQT và góp ý với HĐQT trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Qua đó, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành về công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu kinh tế kế hoạch theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong năm 2014, BKS đã triệu tập các cuộc họp nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định, cụ thể:

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Bầu Trưởng Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát	28/3/2014	Các thành viên Ban Kiểm soát thống nhất bầu Ông Bùi Văn Quyết làm Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019.
2	Kiểm tra Báo cáo tài chính Quý I; giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành; đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua; Thông qua Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát.	17/5/2014	Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC Quý I. Ban hành Quy chế hoạt động và Bảng phân công nhiệm vụ các thành viên BKS
3	Kiểm tra BCTC Quý II; giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành; đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;	6/8/2014	Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC Quý II.
4	Kiểm tra BCTC Quý III; giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành; đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;	21/10/2014	Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC Quý III.
5	Kiểm tra BCTC riêng mẹ năm 2014. Đánh giá sơ bộ hoạt động của BKS năm 2014	3/2/2015	Thống nhất một số nội dung của hoạt động BKS năm 2014
6	Kiểm tra BCTC năm 2014, đánh giá hoạt động của BKS năm 2014 và thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ	18/3/2015	Ban kiểm soát thông qua BCTC năm 2014 và các văn kiện trình ĐHĐCĐ

## Đánh giá của BKS về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2013

### Một số chỉ tiêu cơ bản

Đvt: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2014	TH 2014	% TH 2013	% TH/KH
1	Doanh số ký hợp đồng	783,7	954,0	1.134,1	144,7%	118,9%
3	Doanh thu thuần	565,9	911,0	837,3	148,0%	91,9%
4	LNTT (*)	49,5	51,0	72,9	147,3%	142,9%
5	LNST	38,6	42,0	64,8	167,9%	154,3%

(\*) Số liệu kế hoạch 2014 chưa bao gồm phần lợi nhuận từ công ty liên kết.

### Đánh giá của BKS

#### Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Năm 2014, đáng chú ý nhất là doanh số ký hợp đồng tăng mạnh so với những năm trước, đạt 1.134,1 tỷ đồng, gấp 1,45 lần so với thực hiện năm 2013 và bằng 119% so với kế hoạch đặt ra.

Doanh thu thuần của Công ty đạt 837,3 tỷ đồng tăng 48% so với năm 2013, đây là mức tăng trưởng mạnh, là tín hiệu tốt sau thời kỳ nền kinh tế khủng hoảng. Tuy nhiên, so với kế hoạch ĐHĐCĐ đặt ra thì doanh thu thực hiện đạt ở mức 91,91%.

Do nền kinh tế chung mới đang dần phục hồi sau thời gian dài suy thoái, với đặc thù của ngành nghề kinh doanh của Công ty thì việc doanh thu thực hiện có sự tăng trưởng chậm hơn doanh số ký hợp đồng là điều bình thường. Với việc doanh số ký hợp đồng tăng trưởng mạnh trong năm 2014 sẽ hứa hẹn doanh thu thực hiện tăng lên trong vài năm tới.

Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh lần lượt tăng 47,3% và 67,9% so với năm 2013. Tuy nhiên trong số này có 27,9 tỷ đồng đóng góp từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết – Công ty CP Xây Lắp Thừa Thiên Huế.

#### Về hoạt động đầu tư vào công ty liên kết

Công ty đã thực hiện đầu tư hiệu quả vào công ty liên kết bằng hình thức đấu giá cổ phần Công ty CP Xây lắp Huế (HCC) với tổng giá trị đầu tư là 51.392.880.000 đồng, tổng số cổ phần chiếm giữ là 4.536.000 Cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ của HCC.

#### Về hoạt động phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu

Công ty đã hoàn tất việc phát hành 8.120.626 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 243.749.180.000 đồng.

#### Về tình hình chi trả cổ tức

Tháng 3/2014: Công ty thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt 12,5% mệnh giá (1.250 đồng/cổ phiếu) tại thời điểm mức vốn điều lệ 162.542.920.000 đồng. Tổng mức chi trả cổ tức năm 2013 cho cổ đông là 35% trên vốn điều lệ ban đầu là 81.320.460.000 đồng như kế hoạch ĐHĐCĐ năm tài chính 2012 đặt ra.

Tháng 10/2014: Công ty thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt 5% mệnh giá (500 đồng/cổ phiếu) theo vốn điều lệ mới sau khi phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là 243.749.160.000 đồng.

#### Thù lao HĐQT, BKS trong năm 2014

Thù lao cho HĐQT trong năm 2014 là 660 triệu đồng, BKS là 186 triệu đồng. Như vậy tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2014 là 846 triệu đồng, không vượt quá 01 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2013.

## Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý Công ty

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, các Quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra hoặc thông qua hệ thống báo cáo chính thống của Công ty;

Các Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo đúng chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam; tổ chức lập, ghi chép, lưu trữ sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đúng qui định, đầy đủ, kịp thời. Các thông tin về tình hình tài chính được công bố minh bạch, công khai đáp ứng yêu cầu cho cơ quan hữu quan và nhà đầu tư. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Công ty đã thực hiện tốt qui định của pháp luật, chính sách chế độ Nhà nước như: Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, chính sách chế độ với người lao động và nghĩa vụ nộp thuế với Nhà Nước.

## Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát đầy đủ, kịp thời, đúng qui định. Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp;

Ban kiểm soát thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo quy định. Các báo cáo của Ban kiểm soát được thông qua ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

## Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015

Trong năm tài chính 2014 Công ty đã thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua, tình hình tài chính lành mạnh. Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo đúng qui định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Để xây dựng và thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm tài chính 2015, Ban Kiểm soát đề nghị:

ĐHĐCĐ đóng góp ý kiến và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2014 trên tinh thần NQ ĐHĐCĐ đã thông qua và đề xuất của Hội đồng quản trị thông qua các tờ trình tại Đại hội.

Bầu bổ sung thành viên BKS theo đúng qui định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

### Thù lao trong năm

Công ty áp dụng chế độ thù lao cho thành viên trong Hội Đồng Quản Trị, BKS theo quy định của pháp luật và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2014 như sau:

STT	Họ và tên	2014	
		Thù lao (vnd/năm)	Ghi chú
1	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>660.000.000</b>	
	Nguyễn Hữu Thịnh	180.000.000	
	Lê Tấn Phước	120.000.000	
	Nguyễn Thanh Sơn	120.000.000	
	Nguyễn Thế Hưng	120.000.000	
2	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>186.000.000</b>	
	Bùi Văn Quyết	96.000.000	
	Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	60.000.000	
	Phùng Thanh Bình	30.000.000	Từ nhiệm từ tháng 31/7/2014

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch HĐQT	706.878	2,90%	816.878	3,35%	Mua thêm 110.000 cổ phiếu từ 18/7/2014 đến 16/8/2014
2	Ngô Thị Mai	Vợ của TGD	352.425	1,45%	421.425	1,73%	Mua thêm 69.000 cổ phần từ 18/7/2014 đến 16/08/2014



### Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị liên quan
1. CTCP Quốc tế Diplomat	Là công ty do CTCP Sao Phương Nam liên kết với đối tác thành lập	v/v thi công gói thầu số 4 dự án Khách sạn 76-78 Nguyễn Thị Minh Khai	103,74 tỷ đồng
2. CTCP Đầu tư Sao Phương Nam	Là Công ty con của CTCP Sao Phương Nam	v/v thi công gói thầu số 6 dự án Khu nghỉ mát Cảnh Biển – Cam Ranh	12,27 tỷ đồng
3. CTCP Sao Phương Nam	Cổ đông lớn	Thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà Centec 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai	3,29 tỷ đồng

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm, để đảm bảo quy trình công việc đạt hiệu quả cao đặc biệt về mặt quản lý, Công ty đã ban hành Quy chế tài chính, đồng thời đang soạn thảo nội dung cập nhật theo các văn bản pháp luật hiện hành để ban hành Quy chế quản trị Công ty mới trong năm 2015.



**VI. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**





## 1. Thông điệp về phát triển bền vững

Trước hết, phát triển bền vững có nghĩa là phát triển một cách liên tục và vững chắc. Để làm được điều này, sứ mệnh của tất cả chúng ta là xây dựng để trường tồn.

Tại Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh, phát triển bền vững thể hiện ở việc có tầm nhìn và sứ mệnh được truyền đạt rõ ràng, xuyên suốt và nhất quán. Chúng tôi có sự tiếp nối kế thừa giữa các thế hệ lãnh đạo cũng như sự gắn kết giữa các tầng nấc quản lý, có quy trình quản lý được văn bản hóa và điện toán hóa thành hệ thống, có môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và hợp tác. Di sản là con người, những giá trị cốt lõi và hệ thống của Công ty. Mục tiêu là nhân viên ai cũng hài lòng, MUỐN được làm việc, làm việc hiệu quả và cống hiến hết mình vì sự bền vững của Công ty.

Đối với khách hàng, phát triển bền vững là chia sẻ giá trị, hợp tác cùng phát triển. Quan điểm này được thể hiện rất rõ trong slogan của Công ty: "Luôn đi cùng sự phát triển của bạn". Dự án nối tiếp dự án, công trình nối tiếp công trình là minh chứng cho sự tin cậy và sự cam kết dài lâu giữa Khách hàng, Đối tác và Công ty. Để giữ vững chữ TÍN, Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm, hướng đến tầm cao mới trong dịch vụ khách hàng.

Đối với xã hội, phát triển bền vững thể hiện ở trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng. Thành công của Công ty chỉ có thể bền vững trong sự ý thức và hành động vì một xã hội tốt đẹp hơn. Chúng tôi đóng góp một phần sức lực của mình vì sự tiến bộ cộng đồng qua các hoạt động từ thiện, hiến máu nhân đạo, tiết kiệm điện nước, thiết kế xanh, sản xuất sạch và trong chính thực tế công việc

## 2. Giá trị cốt lõi

Trong chặng đường 40 năm hình thành và phát triển, hệ giá trị cốt lõi SEAREFICO là kim chỉ nam, là tôn chỉ trong mọi suy nghĩ và hành động của chúng tôi.

### Sincerity – Trung thực

Trung thực, chân thành vì lợi ích các bên luôn là nền tảng trong ứng xử và thực hiện công việc.

Tất cả những gì chúng tôi làm hàng ngày phải phù hợp với đạo lý, đạo đức kinh doanh và tuân thủ pháp luật.

### Excellence – Hoàn thiện

Năng lực được phát triển liên tục. Sản phẩm được cải tiến không ngừng. Đó không chỉ là khẩu hiệu mà còn là tiêu chí đánh giá kết quả công việc của chúng tôi.

### Accountability – Tinh thần trách nhiệm

Công ty xây dựng được một môi trường làm việc đề cao trách nhiệm cá nhân cùng với tính tự chủ, khuyến khích nhân viên chủ động giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn được giao.

### Respect – Tôn trọng

Chúng tôi tôn trọng mọi sự khác biệt và khuyến khích sự tham gia bình đẳng của tất cả thành viên trong Công ty.

### Education – Học hỏi

Tinh thần cầu thị, quan điểm cấp tiến của lãnh đạo là nền tảng cho sự hoàn thiện bản thân và phát triển đội ngũ. Mỗi nhân viên được tạo điều kiện tốt nhất để học tập và trải nghiệm.

### Fairness – Công bằng

Đánh giá và phát triển nhân viên một cách khách quan, công bằng, minh bạch. Chính sách đãi ngộ dựa trên năng lực và sự cống hiến, hài hòa lợi ích của Cổ đông, Nhân viên và Cộng đồng.

### Innovation – Sáng tạo

Ban lãnh đạo công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo, trân trọng những đam mê, giúp cho những hoài bão ước mơ của nhân viên trở thành hiện thực.

### Cooperation – Hợp tác

Chúng tôi xây dựng một môi trường làm việc cởi mở, chân thành, tích cực, hợp tác và đoàn kết.

### Objective – Hướng mục tiêu

Mục tiêu của các bộ phận phải phù hợp và hướng đến mục tiêu chung của Công ty. Quản lý theo mục tiêu và lấy hiệu quả làm thước đo chính trong mọi hoạt động.



### 3. Nỗ lực vì một Xã hội bền vững

#### Đối với cộng đồng

Hướng về Biển đảo quê hương, Công ty đã phát động chương trình “Ngày Chủ nhật vì biển đảo quê hương” với mục đích nâng cao nhận thức của CBCNV về chủ quyền biển đảo của Việt Nam và âm mưu độc chiếm biển Đông của Trung Quốc, khơi dậy lòng yêu nước và ủng hộ đóng góp xây dựng chủ quyền biển đảo của Việt Nam tại Trường Sa. CBCNV của Công ty đã tham gia nhiệt tình và đã đóng góp được số tiền gần 150 triệu đồng, số tiền này BCH Công đoàn Công ty đã trao cho báo Tuổi Trẻ.

Ngoài ra, trong năm 2014, Công ty tiếp tục liên kết với các trường Đại học như: Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM, Trường ĐH Bách Khoa Đà Nẵng, Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM, Trường ĐH Văn Lang để trao học bổng vượt khó cho sinh viên với tổng trị giá 3.000\$ cùng với chương trình tư vấn hướng nghiệp và nhận sinh viên vào thực tập tại Công ty.

#### Đối với người lao động

Với đặc thù ngành nghề là thi công, lắp đặt hệ thống cơ điện công trình, hệ thống lạnh công nghiệp và xây dựng, Công ty rất chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho CBCNV như sau: Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện về An Toàn Vệ Sinh Lao Động (ATVSLĐ) cho người lao động làm việc tại các công trường; tổ chức Ban ATVSLĐ kết hợp với đơn vị giám sát ATVSLĐ bên ngoài để triển khai và kiểm tra công tác ATVSLĐ tại công trường; hàng năm Công ty mua Bảo hiểm tai nạn 24/24h kết hợp với bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV với giá trị bồi thường lên đến 300 triệu đồng/trường hợp.

Với nhận thức “người lao động là tài sản quý giá nhất của Công ty”, nên ngoài chính sách tiền lương cạnh tranh với thị trường, chế độ phụ cấp linh hoạt và thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm có thể lên đến 5 tháng lương, Công ty còn quan tâm chăm lo đến đời sống của CBCNV với nhiều hình thức: tài trợ trọn gói cho CBCNV tập gym tại California Yoga & Fitness; thành lập và tài trợ tập luyện cho các CLB bóng đá, cầu lông, quần vợt của Công ty; hỗ trợ viện phí cho CBCNV khi nằm viện; trao học bổng cho con em CBCNV có hoàn cảnh khó khăn... Đặc biệt với chính sách giúp nhân viên phát triển trong nghề nghiệp, gắn bó với Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, Công ty còn có nhiều chương trình đào tạo và huấn luyện trong và ngoài nước phù hợp cho từng cá nhân CBCNV.

#### Đối với môi trường

Trong năm 2014, Công ty đã khởi động thực hiện dự án đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị và chuyển đổi công nghệ sản xuất panel cách nhiệt, đây là dự án được phát động và tài trợ bởi World Bank và Bộ Tài nguyên Môi trường Việt Nam nhằm hạn chế sử dụng và tiến tới loại trừ chất HCFC không có lợi cho môi trường tại Việt Nam.

Áp dụng công nghệ xanh, sạch như LEED, LOTUS, INVERTER trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc lạnh công nghiệp. Áp dụng công nghệ quản lý BIM bao gồm cả việc triển khai ứng dụng Revit MEP, Revit Architech và Navis Works trong quản lý dự án nhằm hạn chế sai sót trong thiết kế và thi công, tiết kiệm vật tư, bảo vệ môi trường.

### Một số hình ảnh hoạt động của Công ty







## 4. Minh bạch thông tin

### Đối với cổ đông

Công ty luôn kịp thời cập nhật thông tin tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động đấu thầu, trúng thầu các dự án trên website của Công ty cũng như công bố thông tin đầy đủ theo các quy định hiện hành.

### Đối với người lao động trong Công ty

Trong công việc, Công ty đã phát triển hệ thống Kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tính minh bạch trong nội bộ Công ty, giữa các phòng ban, bộ phận.

Công ty cũng thường xuyên công khai các chính sách khích lệ trước những nỗ lực của cán bộ công nhân viên; Đặc biệt, Công ty luôn công khai các chính sách đãi ngộ đối với người trung thành, tâm huyết, cống hiến vì sự nghiệp phát triển bền vững của Công ty.

Song song đó, Công ty ưu tiên công tác đảm bảo An toàn vệ sinh lao động trong môi trường thi công, công tác của người lao động.

### Đối với Khách hàng

Lòng tin với khách hàng, Uy tín trước đối tác là những vấn đề luôn được các lãnh đạo cấp cao cũng như đội ngũ cán bộ công nhân viên luôn đề cao, coi trọng. Nhờ vậy, Công ty luôn tranh thủ sự hợp tác lâu dài của các đối tác để tạo dựng mối quan hệ truyền thống, vượt qua được không ít rào cản trong quá trình tìm kiếm, thâm nhập thị trường mới trong và ngoài nước.







# Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh

---

## Báo cáo tài chính hợp nhất

---

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

# MỤC LỤC

---

	Trang
Thông tin chung _____	71
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc _____	73
Báo cáo kiểm toán độc lập _____	74
Bảng cân đối kế toán hợp nhất _____	75
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất _____	78
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất _____	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất _____	81



# THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 9 năm 1999 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Ngày 17 tháng 6 năm 2014, Công ty nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14 do SKHĐT cấp, phê duyệt việc thay đổi tăng vốn điều lệ của Công ty từ 162.542.920.000 VNĐ lên 243.749.160.000 VNĐ.

Cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Giấy phép niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Phó Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 29 tháng 9 năm 2009, và ngày giao dịch cổ phiếu Công ty (Mã chứng khoán: SRF) là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh đăng ký của Công ty là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng; sản xuất và gia công, chế tạo máy móc, thiết bị vật liệu cơ điện lạnh; thầu thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh, các phương tiện vận tải; kinh doanh các loại vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích và xây dựng nhà các loại.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 14 tòa nhà Centec Tower, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có 2 chi nhánh là Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Searee”) có trụ sở tại Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và Chi nhánh Cơ điện Công trình – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Searefico M&E”) có trụ sở tại 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty cũng có công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (“Arico”) có trụ sở tại Lô 25-27 Đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch
Ông Lê Tấn Phước	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hưng	Thành viên
Ông Takashi Ichiki	Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Bùi Văn Quyết	Trưởng ban	
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2014
Ông Phùng Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2014
		từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2014
Ông Mai Hồng Việt	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2014

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Tấn Phước	Tổng Giám đốc	
Ông Viên Quang Mùi	Giám đốc Searee	từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Quốc Cường	Giám đốc Searee	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Mai Chánh Thành	Giám đốc điều hành Searefico M&E	
Ông Lê Cảnh Đoàn	Giám đốc Arico	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Tấn Phước.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty và các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Lê Tân Phước**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



**Mai Việt Hùng Trần**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số 0048-2013-004-1



**Đoàn Thị Thu Thủy**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>746.164.415.561</b>	<b>613.207.794.364</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>214.212.484.776</b>	<b>246.710.853.123</b>
111	1. Tiền		27.122.969.702	34.710.853.123
112	2. Các khoản tương đương tiền		187.089.515.074	212.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>15.489.022.581</b>	<b>6.157.120.766</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		16.657.126.570	7.931.047.144
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.168.103.989)	(1.773.926.378)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>304.102.652.850</b>	<b>179.496.446.856</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	311.113.196.419	183.848.640.776
132	2. Trả trước cho người bán		16.656.131.637	18.442.310.131
135	3. Các khoản phải thu khác	7	4.991.372.681	3.868.375.469
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(28.658.047.887)	(26.662.879.520)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>188.946.619.896</b>	<b>174.783.072.967</b>
141	1. Hàng tồn kho		192.031.576.331	176.285.088.164
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.084.956.435)	(1.502.015.197)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>23.413.635.458</b>	<b>6.060.300.652</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		703.069.244	1.540.045.615
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.908.746.520	3.072.500.998
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		264.144.723	72.720.271
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	16.537.674.971	1.375.033.768
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>180.611.886.610</b>	<b>115.898.543.104</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>67.979.201.224</b>	<b>71.841.544.805</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	62.913.149.580	67.085.344.504
222	Nguyên giá		130.575.131.057	127.945.914.726
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(67.661.981.477)	(60.860.570.222)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.607.475.308	4.564.738.085
228	Nguyên giá		5.434.131.873	5.327.631.873
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(826.656.565)	(762.893.788)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		458.576.336	191.462.216
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>72.485.905.768</b>	<b>-</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	72.485.905.768	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>40.146.779.618</b>	<b>44.056.998.299</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	37.758.486.986	41.369.293.838
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.443.690.792	1.777.158.621
268	3. Tài sản dài hạn khác		944.601.840	910.545.840
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>926.776.302.171</b>	<b>729.106.337.468</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>540.217.043.112</b>	<b>364.601.206.493</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>527.619.062.974</b>	<b>329.119.870.851</b>
311	1. Vay ngắn hạn	14	249.378.737.380	94.361.997.145
312	2. Phải trả người bán		66.901.129.086	55.693.043.876
313	3. Người mua trả tiền trước		99.450.111.207	87.132.867.986
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.659.766.154	7.919.872.968
315	5. Phải trả người lao động		21.476.572.410	15.871.054.181
316	6. Chi phí phải trả	16	50.181.496.246	36.101.641.189
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	4.063.684.698	5.933.462.319
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	10.701.889.318	20.567.430.510
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	6.805.676.475	5.538.500.677
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.597.980.138</b>	<b>35.481.335.642</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	20	5.572.188.750	5.212.562.500
334	2. Vay dài hạn	21	6.498.991.389	15.164.313.233
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		526.799.999	15.104.459.909
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>386.559.259.059</b>	<b>364.505.130.975</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>386.559.259.059</b>	<b>364.505.130.975</b>
411	1. Vốn cổ phần		243.749.160.000	162.542.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.217.165.031	123.423.405.031
414	3. Cổ phiếu quỹ		(284.019.059)	(268.085.059)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.377.081.332	31.526.528.034
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		10.001.564.095	8.132.046.000
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.498.307.660	39.148.316.969
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>926.776.302.171</b>	<b>729.106.337.468</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận ký gửi (VNĐ)	170.376.570	175.369.290
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	2.281.351.658	2.281.351.658
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	28.450,34	373.360,01
- Yên (JPY)	10.000,00	45.000,00
- Bảng Anh (GBP)	7,16	8,44
- Đô la Úc (AUD)	0,67	0,67
- Euro (EUR)	0,42	6,20



Mai Thị Kim Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	839.555.668.316	565.879.829.182
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(2.270.108.548)	-
3	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		837.285.559.768	565.879.829.182
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(709.674.956.290)	(458.701.213.847)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.610.603.478	107.178.615.335
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	18.019.179.252	23.261.078.389
22	7. Chi phí tài chính	25	(12.868.621.943)	(10.998.341.521)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.241.112.128)	(9.790.019.393)
24	8. Chi phí bán hàng		(1.812.808.804)	(332.857.760)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(86.121.497.394)	(70.570.105.374)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.826.854.589	48.538.389.069
31	11. Thu nhập khác		960.509.707	1.154.399.100
32	12. Chi phí khác		(777.774.332)	(195.165.854)
40	13. Lợi nhuận khác		182.735.375	959.233.246
45	14. Phần lãi từ công ty liên kết	12	27.897.025.768	-
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		72.906.615.732	49.497.622.315
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(7.800.366.772)	(12.185.644.944)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(333.467.828)	1.260.099.333
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		64.772.781.132	38.572.076.704
62	Trong đó: Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		64.772.781.132	38.572.076.704
70	19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	22.5	2.659	1.707



Mai Thị Kim Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>72.906.615.732</b>	<b>49.497.622.315</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10,11	7.160.839.368	7.741.388.150
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		2.972.287.216	(321.111.920)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(17.988.885)	35.203.024
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(42.441.914.105)	(22.148.095.185)
06	Chi phí lãi vay	25	10.241.112.128	9.790.019.393
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>50.820.951.454</b>	<b>44.595.025.777</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(143.987.330.183)	(17.562.599.111)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(15.678.584.585)	82.442.405.753
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		26.350.873.539	(42.401.449.048)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.516.510.132	(1.866.551.274)
13	Tiền lãi vay đã trả		(10.175.223.411)	(9.755.580.400)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(9.801.072.691)	(8.693.690.726)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.237.239.204	6.468.676.240
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.779.856.231)	(9.748.000.954)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(107.496.492.772)</b>	<b>43.478.236.257</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.435.126.278)	(3.035.577.891)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	380.537.542
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ vốn của đơn vị khác		(50.836.267.913)	(5.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ vốn của đơn vị khác		39.783.931.322	31.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác		(51.392.880.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	220.564.400
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.473.846.892	22.397.872.513
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(39.406.495.977)</b>	<b>45.963.396.564</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	52.516.500.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành		(15.934.000)	(98.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		628.052.521.120	266.947.587.293
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(481.263.577.114)	(277.058.751.639)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22.4	(32.391.383.300)	(14.878.369.900)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>114.381.626.706</b>	<b>27.428.965.754</b>
50	<b>(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(32.521.362.043)</b>	<b>116.870.598.575</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>246.710.853.123</b>	<b>129.861.171.187</b>
61	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>22.993.696</b>	<b>(20.916.639)</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>214.212.484.776</b>	<b>246.710.853.123</b>

Mai Thị Kim Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 9 năm 1999 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Ngày 17 tháng 6 năm 2014, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14 do SKHĐT cấp, phê duyệt việc thay đổi tăng vốn điều lệ của Công ty từ 162.542.920.000 VNĐ lên 243.749.160.000 VNĐ.

Cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Giấy phép niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Phó Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 29 tháng 9 năm 2009, và ngày giao dịch cổ phiếu Công ty (Mã chứng khoán: SRF) là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh đăng ký của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng; sản xuất và gia công, chế tạo máy móc, thiết bị vật liệu cơ điện lạnh; thầu thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh, các phương tiện vận tải; kinh doanh các loại vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích và xây dựng nhà các loại.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 14 tòa nhà Centec Tower, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 650 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 551).

Công ty có hai chi nhánh như sau:

- Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Searee”) được thành lập theo GCNĐKKD số 3213000275 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKKD số 0301825452-001 thay đổi lần thứ 7 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 10 năm 2014. Trụ sở của Searee tại Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Chi nhánh Cơ điện Công trình – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Searefico M&E”) được thành lập theo GCNĐKKD số 0301825452-003 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 1 năm 2014 và GCNĐKKD thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 9 năm 2014. Trụ sở của Searefico M&E tại số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (“Arico”), được thành lập theo GCNĐKKD số 4104002210 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2007 và theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ tư số 0305429178 vào ngày 18 tháng 7 năm 2014. Arico có trụ sở chính tại Lô số 25-27 Đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến từng công trình.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được xác định là không có thời hạn, nên không được khấu trừ.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	5 – 20 năm

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định hữu hình đang xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được kết chuyển sang tài sản cố định và trích khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian tối đa là 10 năm. Trường hợp phát sinh lợi thế thương mại âm thì sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### 3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

#### 3.12 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.15 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.17 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi công ty giải thể. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá (giá mua và chi phí mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản chênh lệch khi mua, bán hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ vào lãi/(lỗ) mà được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

#### 3.18 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập các quỹ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, bao gồm quỹ khen thưởng của cán bộ công nhân viên, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng, lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng lắp đặt, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng lắp đặt không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Khi một hóa đơn được xuất trước cho khối lượng công việc chưa hoàn thành và chưa được khách hàng xác nhận, giá trị hóa đơn được ghi nhận là một khoản doanh thu chưa thực hiện.

Giá vốn công trình được ghi nhận dựa theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành tại thời điểm cuối năm và tỷ lệ lãi gộp công trình dự tính. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ. *Tiền lãi*

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của nhóm Công ty hay quyền được chia lợi nhuận được xác lập.

#### 3.21 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.21 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

*Tài sản tài chính*

Theo Thông tư số 210/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 3.23 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	728.576.762	791.852.367
Tiền gửi ngân hàng	25.872.882.381	33.919.000.756
Tiền đang chuyển	521.510.559	-
Các khoản tương đương tiền	187.089.515.074	212.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>214.212.484.776</b>	<b>246.710.853.123</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá ba tháng.

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng (*)	11.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết (**)	5.657.126.570	1.481.803.200
Đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết (**)	-	1.449.243.944
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (***)	(1.168.103.989)	(1.773.926.378)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.489.022.581</b>	<b>6.157.120.766</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng và dưới một năm tại ngân hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(\*\*) Bảng dưới đây trình bày danh sách chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết theo giá trị và số lượng:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
Tổng Công ty Hóa dầu PETROLIMEX	89.800	2.953.459.261	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Yên	17.576	812.500.000	17.576	812.500.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	71.950	669.303.200	71.950	669.303.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	29.400	467.059.540	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	31.906	319.068.944	-	-
Công ty Cổ phần LILAMA 18	9.600	251.559.775	-	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	6.000	147.220.500	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.000	36.955.350	-	-
		<b>5.657.126.570</b>		<b>1.481.803.200</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	-	-	2.850	1.130.175.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	-	-	31.906	319.068.944
		-		<b>1.449.243.944</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.657.126.570</b>		<b>2.931.047.144</b>

(\*\*\*) Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.773.926.378)	(3.052.077.826)
Dự phòng trích lập trong năm	(442.174.325)	(3.679.348)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	1.047.996.714	1.281.830.796
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.168.103.989)</b>	<b>(1.773.926.378)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	212.010.143.702	181.083.906.056
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	99.103.052.717	2.764.734.720
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>311.113.196.419</b>	<b>183.848.640.776</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(28.658.047.887)	(26.662.879.520)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>282.455.148.532</b>	<b>157.185.761.256</b>

(\*) Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(26.662.879.520)	(26.385.413.890)
Dự phòng trích lập trong năm	(6.671.884.254)	(8.734.348.363)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	4.676.715.887	8.456.882.733
<b>Số cuối năm</b>	<b>(28.658.047.887)</b>	<b>(26.662.879.520)</b>

### 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải thu	2.510.460.000	-
Phải thu lãi vay từ ưu đãi đầu tư	959.528.796	1.155.075.368
Phải thu lãi tiền gửi	794.180.555	1.592.881.945
Phải thu khác	727.203.330	1.120.418.156
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.991.372.681</b>	<b>3.868.375.469</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	2.723.372.681	3.868.375.469
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.268.000.000	-





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
VNĐ				
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	4.161.384.720	1.054.859.400	111.387.753	5.327.631.873
Mua mới trong năm	-	106.500.000	-	106.500.000
Số cuối năm	4.161.384.720	1.161.359.400	111.387.753	5.434.131.873
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	262.268.328	-	262.268.328
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	668.214.156	94.679.632	762.893.788
Hao mòn trong năm	-	58.193.385	5.569.392	63.762.777
Số cuối năm	-	726.407.541	100.249.024	826.656.565
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	4.161.384.720	386.645.244	16.708.121	4.564.738.085
Số cuối năm	4.161.384.720	434.951.859	11.138.729	4.607.475.308

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("HCC"). Giá trị khoản đầu tư vào HCC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày như sau:

	VNĐ
	Số tiền
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Tăng trong năm	51.392.880.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	51.392.880.000
<b>Phần lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết:</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Phần lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	13.480.996.914
Lợi thế thương mại âm	14.416.028.854
Cổ tức được chia	(6.804.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.093.025.768
<b>Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên kết:</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	72.485.905.768



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

HCC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3300101156 do SKHĐT Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 5 tháng 1 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 36% quyền biểu quyết trong công ty này.

HCC có trụ sở chính tại số 9 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Hoạt động đăng ký của HCC là xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng, thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi; và sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước thuê đất	34.314.459.363	35.276.547.003
Công cụ, dụng cụ	1.123.610.691	985.188.618
Khác	2.320.416.932	5.107.558.217
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.758.486.986</b>	<b>41.369.293.838</b>

### 14. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	240.713.415.536	85.696.675.301
Vay dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 21</i> )	8.665.321.844	8.665.321.844
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.378.737.380</b>	<b>94.361.997.145</b>

(\*) Trong đó:

Văn phòng Hồ Chí Minh vay tại các ngân hàng	117.738.850.976	34.147.767.345
Searee vay tại các ngân hàng	61.292.886.658	24.605.764.127
Arico vay tại các ngân hàng	61.681.677.902	26.943.143.829

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 14. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

		VNĐ
Bên vay	Ngân hàng	Số cuối năm
<i>Tại Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh số 6 Hồ Chí Minh	94.718.677.520
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	21.045.626.616
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.974.546.840
		<b>117.738.850.976</b>
<i>Tại Searee</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh số 6 Hồ Chí Minh	31.637.502.287
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	19.050.745.774
	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Đà Nẵng	10.604.638.597
		<b>61.292.886.658</b>
<i>Tại Arico</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	37.494.581.687
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	24.187.096.215
		<b>61.681.677.902</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>240.713.415.536</b>

Nhóm Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	14.896.187.412	2.942.273.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	2.973.216.557	4.757.326.183
Thuế thu nhập cá nhân	790.362.185	220.273.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.659.766.154</b>	<b>7.919.872.968</b>

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình trích trước	48.670.801.567	34.560.502.318
Chi phí lãi vay	100.327.710	34.438.993
Chi phí khác	1.410.366.969	1.506.699.878
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.181.496.246</b>	<b>36.101.641.189</b>

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác cho nhân viên	591.802.027	2.456.863.718
Phải trả các dịch vụ khác	853.542.585	1.472.074.844
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	643.385.196	814.476.069
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 22.4)	541.387.700	450.268.000
Phải trả tiền thuê đất	269.720.400	-
Tài sản thừa chờ xử lý	21.635.420	21.635.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.142.211.370	718.144.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.063.684.698</b>	<b>5.933.462.319</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## 18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.567.430.510	5.440.732.343
Dự phòng trích lập trong năm	4.452.357.243	22.994.572.988
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.317.898.435)	(7.867.874.821)
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.701.889.318</b>	<b>20.567.430.510</b>

Dự phòng phải trả ngắn hạn là những khoản dự phòng bảo hành công trình đã được hoàn thành và nghiệm thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.538.500.677	2.217.854.735
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 22.1)	10.220.216.048	10.443.875.564
Sử dụng trong năm	(8.953.040.250)	(7.123.229.622)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.805.676.475</b>	<b>5.538.500.677</b>

## 20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện dự phòng trợ cấp thôi việc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 21. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	15.164.313.233	23.829.635.077
Vay dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 14</i> )	<u>(8.665.321.844)</u>	<u>(8.665.321.844)</u>
<b>Vay dài hạn chưa đến hạn thanh toán</b>	<b><u>6.498.991.389</u></b>	<b><u>15.164.313.233</u></b>

Số dư tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện số dư vay dài hạn Việt Nam đồng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hồ Chí Minh do Arico thực hiện theo hợp đồng vay số 00310/2009/0001403 ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp số 70/2009/3216846 ngày 31 tháng 12 năm 2009 (*Thuyết minh số 10*).

Các khoản vay này được hỗ trợ 50% lãi suất, thời hạn vay 7 năm theo Quyết định số 4728/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	81.320.460.000	188.731.182.260	(36.771.902.288)	26.439.820.040	8.132.046.000	31.023.115.823	298.874.721.835
Phát hành cổ phiếu thường	81.222.460.000	(81.222.460.000)	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	15.914.682.771	36.601.817.229	-	-	-	52.516.500.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành làm cổ phiếu quỹ	-	-	(98.000.000)	-	-	-	(98.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	38.572.076.704	38.572.076.704
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(14.916.292.000)	(14.916.292.000)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	5.086.707.994	-	(15.530.583.558)	(10.443.875.564)
<b>Số cuối năm</b>	<b>162.542.920.000</b>	<b>123.423.405.031</b>	<b>(268.085.059)</b>	<b>31.526.528.034</b>	<b>8.132.046.000</b>	<b>39.148.316.969</b>	<b>364.505.130.975</b>
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	162.542.920.000	123.423.405.031	(268.085.059)	31.526.528.034	8.132.046.000	39.148.316.969	364.505.130.975
Phát hành cổ phiếu thường	81.206.240.000	(81.206.240.000)	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành làm cổ phiếu quỹ	-	-	(15.934.000)	-	-	-	(15.934.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	64.772.781.132	64.772.781.132
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(32.482.503.000)	(32.482.503.000)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	1.850.553.298	1.869.518.095	(13.940.287.441)	(10.220.216.048)
<b>Số cuối năm</b>	<b>243.749.160.000</b>	<b>42.217.165.031</b>	<b>(284.019.059)</b>	<b>33.377.081.332</b>	<b>10.001.564.095</b>	<b>57.498.307.660</b>	<b>386.559.259.059</b>

(\*) Số còn lại là khoản trích lập cho quỹ khen thưởng, phúc lợi (*Thuyết minh số 19*)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 22.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

	Số cuối năm		%
	Cổ phần	VNĐ	
Cổ phần Nhà nước	3.114.000	31.140.000.000	12,78
Cổ phần của các đối tượng khác	21.247.876	212.478.760.000	87,17
Cổ phiếu quỹ	13.040	130.400.000	0,05
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.374.916</b>	<b>243.749.160.000</b>	<b>100</b>

#### 22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
<b>Cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>24.374.916</b>	<b>16.254.292</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	24.374.916	16.254.292
Cổ phiếu phổ thông (*)	24.374.916	16.254.292
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông (**)	(13.040)	(9.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	24.361.876	16.244.492
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Trong năm, Công ty đã phát hành 8.120.624 cổ phiếu thưởng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHCĐ/NQ/14 ngày 28 tháng 3 năm 2014 và Nghị quyết số 3/NQ/HĐQT/14 của Hội đồng Quản trị vào ngày 22 tháng 4 năm 2014. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi SKHDT Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp GCNDKKD điều chỉnh ngày 17 tháng 6 năm 2014.

(\*\*) Trong năm, Công ty mua lại từ cán bộ công nhân viên 3.240 cổ phiếu mà Công ty đã phát hành trước đây, làm cổ phiếu quỹ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 22.4 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>450.268.000</b>	<b>412.345.900</b>
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>	<b>32.482.503.000</b>	<b>14.916.292.000</b>
Cổ tức trả lần 2 cho năm 2013: 1.250 VNĐ/cổ phiếu	20.301.565.000	-
Cổ tức trả lần 1 cho năm 2014: 500 VNĐ/cổ phiếu	12.180.938.000	-
Cổ tức trả lần 3 cho năm 2012: 1.000 VNĐ/cổ phiếu	-	6.794.046.000
Cổ tức trả lần 1 cho năm 2013: 1.000 VNĐ/cổ phiếu	-	8.122.246.000
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>(32.391.383.300)</b>	<b>(14.878.369.900)</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>541.387.700</b>	<b>450.268.000</b>

#### 22.5 Lãi trên mỗi cổ phiếu

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	64.772.781.132	38.572.076.704
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.361.922	22.596.174
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	2.659	1.707

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2013 đã được điều chỉnh tăng tương ứng theo tỷ lệ cổ phiếu thưởng đã phát hành trong năm 2014 từ thặng dư vốn cổ phần.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 23. DOANH THU

#### 23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>839.555.668.316</b>	<b>565.879.829.182</b>
Trong đó:		
- Doanh thu công trình xây dựng và lắp đặt	835.088.602.371	562.449.399.582
- Doanh thu bán hàng hóa	2.146.465.945	2.514.793.236
- Doanh thu cho thuê	2.320.600.000	915.636.364
<b>Trừ:</b>	<b>(2.270.108.548)</b>	<b>-</b>
- Giảm doanh thu công trình	(2.270.108.548)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>837.285.559.768</b>	<b>565.879.829.182</b>
Trong đó:		
- Doanh thu công trình xây dựng và lắp đặt	832.818.493.823	562.449.399.582
- Doanh thu bán hàng hóa	2.146.465.945	2.514.793.236
- Doanh thu cho thuê	2.320.600.000	915.636.364

#### 23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	15.954.017.810	23.073.241.879
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.114.335.974	117.226.710
Cổ tức, lợi nhuận được chia	291.549.800	70.609.800
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	625.577.892	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.697.776	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.019.179.252</b>	<b>23.261.078.389</b>

### 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng công trình	704.881.213.780	456.633.042.692
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.864.349.461	3.431.924.604
Giá vốn cho thuê	426.726.991	105.963.636
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	1.502.666.058	(1.469.717.085)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>709.674.956.290</b>	<b>458.701.213.847</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	10.241.112.128	9.790.019.393
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	2.326.257.165	1.364.467.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	891.366.148	1.086.174.396
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(605.822.389)	(1.278.151.448)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.708.891	35.203.024
Chi phí tài chính khác	-	628.728
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.868.621.943</b>	<b>10.998.341.521</b>

### 26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	59.289.661.229	41.523.163.125
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.925.468.796	1.615.004.053
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	2.711.465.137	2.875.326.941
Phí, lệ phí	141.946.913	78.876.148
Chi phí dự phòng	2.288.158.367	7.361.141.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.685.399.382	7.908.602.204
Chi phí bằng tiền khác	8.079.397.570	9.207.991.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.121.497.394</b>	<b>70.570.105.374</b>

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế (2013: 25%).

Tại Arico: Ban Tổng Giám đốc đánh giá Arico được hưởng thuế suất TNDN ưu đãi như sau:

- Hưởng mức thuế suất 15% trong vòng 12 năm kể từ khi phát sinh doanh thu (năm 2010).
- Miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.747.067.577	12.185.644.944
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	53.299.195	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	333.467.828	(1.260.099.333)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.133.834.600</b>	<b>10.925.545.611</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế được báo cáo theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>72.906.615.732</b>	<b>49.497.622.315</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.991.112.971	1.885.720.025
Các khoản chênh lệch tạm thời	(1.695.996.076)	5.138.746.087
Thu nhập được miễn thuế	(291.549.800)	(70.609.800)
Phần lãi từ công ty liên kết	(27.897.025.768)	-
Các khoản khác	-	(306.685.662)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>46.013.157.059</b>	<b>56.144.792.965</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập không được miễn giảm thuế	28.463.498.685	45.570.202.695
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 7,5%	19.801.304.890	10.574.590.270
Lỗ tính thuế	(2.251.646.516)	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>10.618.256.786</b>	<b>14.036.198.241</b>
Thuế TNDN được miễn giảm	(2.871.189.209)	(1.850.553.297)
<b>Thuế TNDN sau miễn giảm</b>	<b>7.747.067.577</b>	<b>12.185.644.944</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.757.326.183	1.265.371.965
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	53.299.195	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(9.801.072.691)	(8.693.690.726)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>2.756.620.264</b>	<b>4.757.326.183</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế TNDN phải trả tại Searee và Arico (Thuyết minh số 15)	2.973.216.557	3.337.738.121
- Thuế TNDN (trả trước) phải trả tại Văn phòng và Searefico M&E	(216.596.293)	1.419.588.062

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 2.7.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	29.053.349	398.090.494	(369.037.145)	(50.659.716)
Chi phí phải trả	219.434.025	263.490.743	(44.056.718)	195.318.561
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	561.893	53.634	508.260	(83.262)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.194.641.525	1.115.523.750	79.117.775	1.115.523.750
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.443.690.792</b>	<b>1.777.158.621</b>	<b>(333.467.828)</b>	<b>1.260.099.333</b>
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(333.467.828)</b>	<b>1.260.099.333</b>

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VNĐ
			<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Diplomat	Bên liên quan	Doanh thu xây dựng và lắp đặt	103.737.805.078
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Phương Nam	Bên liên quan	Doanh thu xây dựng và lắp đặt	12.273.686.250
Công ty Cổ phần Sao Phương Nam	Cổ đông lớn	Thuê văn phòng	3.298.459.468
Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	6.804.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Số tiền
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)</b>			
Công ty Cổ phần Quốc tế Diplomat	Bên liên quan	Phải thu xây dựng và lắp đặt	85.601.997.842
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Phương Nam	Bên liên quan	Phải thu xây dựng và lắp đặt	13.501.054.875
			<b>99.103.052.717</b>
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	2.268.000.000
<b>Tài sản dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Sao Phương Nam	Cổ đông lớn	Đặt cọc	886.545.840

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt khác trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và cán bộ chủ chốt khác	13.695.325.361	10.719.832.655
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	851.000.000	846.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.546.325.361</b>	<b>11.565.832.655</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.577.331.593	4.485.807.593
Từ 1 – 5 năm	8.710.742.374	11.283.038.374
Trên 5 năm	24.962.454.794	25.021.000.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.250.528.761</b>	<b>40.789.846.930</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền và tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ vay, các khoản tiền và tương đương tiền của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan. Trên cơ sở đó, Nhóm Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

#### **Độ nhạy đối với lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay, tiền và tương đương tiền với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty như sau:

		VNĐ	
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
<b>Năm nay</b>			
VNĐ	100	(241.662.526)	
VNĐ	(100)	241.662.526	
<b>Năm trước</b>			
VNĐ	100	1.573.488.560	
VNĐ	(100)	(1.573.488.560)	

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### **Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

##### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Một số chi phí của Nhóm Công ty phát sinh bằng các loại ngoại tệ khác với đồng Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định thanh lý cổ phiếu vào thời điểm thích hợp.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Nhóm Công ty là 4.925.795.200 (31 tháng 12 năm 2013: 1.207.313.000 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng/giảm 10% sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty.

##### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

##### **Phải thu khách hàng**

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ		
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	249.378.737.380	6.498.991.389	255.877.728.769
Phải trả người bán	66.901.129.086	-	66.901.129.086
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	54.245.180.944	-	54.245.180.944
	<b>370.525.047.410</b>	<b>6.498.991.389</b>	<b>377.024.038.799</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	94.361.997.145	15.164.313.233	109.526.310.378
Phải trả người bán	55.693.043.876	-	55.693.043.876
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	42.035.103.508	-	42.035.103.508
	<b>192.090.144.529</b>	<b>15.164.313.233</b>	<b>207.254.457.762</b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21).

Nhóm Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

	VNĐ		VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	311.113.196.419	183.848.640.776	282.455.148.532	157.185.761.256
Đầu tư ngắn hạn	16.657.126.570	7.931.047.144	15.925.795.200	6.207.313.000
Tiền gửi có kỳ hạn	11.000.000.000	5.000.000.000	11.000.000.000	5.000.000.000
Có phiếu niêm yết	5.657.126.570	1.481.803.200	4.925.795.200	930.412.000
Có phiếu chưa niêm yết	-	1.449.243.944	-	276.901.000
Phải thu khác	4.991.372.681	3.868.375.469	4.991.372.681	3.868.375.469
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.212.484.776	-	214.212.484.776	246.710.853.123
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>546.974.180.446</b>	<b>442.358.916.512</b>	<b>517.584.801.189</b>	<b>413.972.302.848</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	255.877.728.769	109.526.310.378	255.877.728.769	109.526.310.378
Phải trả người bán	66.901.129.086	55.693.043.876	66.901.129.086	55.693.043.876
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	54.245.180.944	42.035.103.508	54.245.180.944	42.035.103.508
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>377.024.038.799</b>	<b>207.254.457.762</b>	<b>377.024.038.799</b>	<b>207.254.457.762</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền, phải thu khác, các khoản phải trả và những khoản nợ ngắn hạn khác tương đương với giá trị sổ sách chủ yếu là do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ tài chính này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 32. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Nhóm Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là tư vấn, cung cấp và lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

### 33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Mai Thị Kim Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



# SEAREFICO

## SEAREFICO M&E

Tầng 14, Centec Tower  
72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3  
TP.Hồ Chí Minh  
T : +84 8 3822 7260  
F : +84 8 3822 6001  
W: [www.searefico.com](http://www.searefico.com)

## SEAREE

Đường số 10  
KCN Hoà Khánh, Quận Liên Chiểu  
TP. Đà Nẵng  
T : +84 05113 734 218  
F : +84 05113 736 253  
W: [www.searee.com](http://www.searee.com)

## ARICO

Lô 25 – 27, Đường Trung Tâm  
KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân  
TP.Hồ Chí Minh  
T : +84 8 3754 5678  
F : +84 8 3754 5680  
W: [www.arico.com.vn](http://www.arico.com.vn)

[www.searefico.com](http://www.searefico.com)